

PHẦN TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN**CHƯƠNG 1+ 2: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG**

- 0.1.1 Chủ nghĩa Mác-Lênin gồm bao nhiêu bộ phận cấu thành:
A. 2
B. 3
C. 4
D. 5
- 0.1.2 Chủ nghĩa Mác ra đời vào khoảng thời gian nào:
A. Đầu thế kỷ XVII
B. Những năm đầu thế kỷ XVIII
C. Những năm 40 của thế kỷ XIX
D. Đầu thế kỷ XX
- 0.1.3 Chủ nghĩa Mác ra đời dựa trên nền tảng phát triển của:
A. Nông nghiệp
B. Công nghiệp
C. Thủ công nghiệp
D. Thương mại-dịch vụ
- 0.1.4 Đầu là tiền đề lý luận làm điều kiện ra đời chủ nghĩa Mác:
A. Triết học cổ điển Đức
B. Thuyết tiến hóa
C. Sự phát triển của Chủ nghĩa tư bản
D. Mâu thuẫn giữa Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất
- 0.1.5 Đầu là tiền đề khoa học tự nhiên làm điều kiện ra đời chủ nghĩa Mác:
A. Triết học cổ điển Đức
B. Thuyết tiến hóa
C. Sự phát triển của Chủ nghĩa tư bản
D. Mâu thuẫn giữa Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất
- 0.1.6 Sự ra đời của triết học Mác bị quyết định bởi:
A. 2 tiền đề
B. 3 tiền đề
C. 4 tiền đề
D. 5 tiền đề
Tác giả của thuyết tiến hóa
- 0.1.7 Đối tượng nghiên cứu của triết học là:
A. Những quy luật của thế giới khách quan
B. Những quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy
C. Những vấn đề chung nhất của giới tự nhiên, của xã hội và con người, mối quan hệ của con người nói chung, của tư duy con người nói riêng với thế giới xung quanh.
D. Những vấn đề chung nhất của giới tự nhiên, của xã hội và con người, mối quan hệ của con người với thế giới xung quanh.
- 0.1.8 Triết học ra đời từ thực tiễn, do nhu cầu của thực tiễn, nó có các nguồn gốc:
A. Nguồn gốc nhận thức và nguồn gốc xã hội.
B. Nguồn gốc nhận thức, nguồn gốc xã hội và nguồn gốc giai cấp.
C. Nguồn gốc tự nhiên, nguồn gốc xã hội và nguồn gốc tư duy.
D. Nguồn gốc tự nhiên và nguồn gốc tư duy.
- 0.1.9 Mác đã kế thừa học thuyết tiến hóa của ai?
A. Lô-mô-nô-xốp
B. Hê-gen
C. Đác-Uyn
D. Phoi-ơ-bách
- 0.1.10 Các bộ phận lý luận quan trọng của chủ nghĩa Mác-Lênin gồm:
A. Triết học, Kinh tế chính trị, Chủ nghĩa xã hội không tưởng

- B. Triết học, Kinh tế chính trị, Chủ nghĩa xã hội khoa học**
- C. Thuyết tế bào, thuyết tiến hóa, định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng
- D. Khoa học và thực tiễn cách mạng

CHƯƠNG 1: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG

MỨC 1:

- 1.1.0. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy tâm thì bản chất thế giới là gì?
 - A. Ý thức**
 - B. Vật chất
 - C. Ý niệm
 - D. Do thượng đế quy định
- 1.1.1. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật thì bản chất thế giới là gì?
 - A. Vật chất**
 - B. Vật thể
 - C. Ý thức
 - D. Do thượng đế qui định
- 1.1.2. Trường phái nào cho rằng ý thức có trước, vật chất có sau, ý thức quyết định vật chất?
 - A. Duy vật
 - B. Duy tâm**
 - C. Nhị nguyên
 - D. Duy vật siêu hình
- 1.1.3. Trường phái nào cho rằng vật chất có trước, ý thức có sau, vật chất quyết định ý thức?
 - A. Duy vật**
 - B. Duy tâm
 - C. Nhị nguyên
 - D. Duy vật siêu hình
- 1.1.4. Nhà triết học Hy Lạp cổ đại nào quan niệm vật chất là nước?
 - A. Ta-lét**
 - B. A-na-xi-men
 - C. Hê-ra-clit
 - D. Đê-mô-crít
- 1.1.5. Nhà triết học Hy Lạp cổ đại nào quan niệm vật chất là lửa?
 - A. Ta-lét
 - B. A-na-xi-men
 - C. Hê-ra-clit**
 - D. Đê-mô-crít
- 1.1.6. Nhà triết học Hy Lạp cổ đại nào quan niệm vật chất là không khí?
 - A. Ta-lét
 - B. A-na-xi-men**
 - C. Hê-ra-clit
 - D. Đê-mô-crít
- 1.1.7. Nhà triết học Hy Lạp cổ đại nào quan niệm vật chất là nguyên tử?
 - A. Ta-lét
 - B. A-na-xi-men
 - C. Hê-ra-clit
 - D. Đê-mô-crít**

- 1.1.8. Thêm cụm từ thích hợp vào câu sau để được định nghĩa về vật chất của Lênin: Vật chất là.....(1) dùng để chỉ.....(2) được đem lại cho con người trong cảm giác, được cảm giác của chúng ta chép lại, chụp lại, phản ánh và tồn tại không lệ thuộc vào cảm giác.
- A. (1)-vật thể,(2)- hoạt động
 - B. **(1)-phạm trù triết học, (2)- thực tại khách quan**
 - C. (1)-phạm trù triết học, (2)- một vật thể
 - D. (1)-vật thể, (2)- tồn tại khách quan
- 1.1.9. Người đưa ra định nghĩa khoa học về phạm trù vật chất là:
- A. Các - Mác
 - B. Ph. Ăngghen
 - C. **V.I.Lênin**
 - D. G.Hêghen
- 1.1.10. Mọi sự thay đổi và mọi quá trình diễn ra trong vũ trụ, kể từ sự thay đổi vị trí đơn giản cho đến tư duy, được khái quát bằng khái niệm gì?
- A. Khái niệm phát triển
 - B. **Khái niệm vận động**
 - C. Khái niệm tiến bộ
 - D. Khái niệm biến đổi
- 1.1.11. Ph.Ăngghen đã chia vận động làm mấy hình thức cơ bản:
- A. 3 hình thức
 - B. **5 hình thức**
 - C. 4 hình thức
 - D. 6 hình thức
- 1.1.12. Theo Ăngghen, thế giới thống nhất thực sự tính nào?
- A. **Tính vật chất**
 - B. Tính hiện thực
 - C. Tính khách quan
 - D. Sự tồn tại cả trong tự nhiên và cả xã hội
- 1.1.13. Những quan điểm dưới đây về mối quan hệ giữa vật chất và ý thức, quan điểm nào là quan điểm của triết học Mác - Lênin?
- A. Ý thức là cái có trước, vật chất là cái có sau, ý thức quyết định vật chất, sáng tạo ra vật chất
 - B. Vật chất có trước quyết định ý thức mà không thấy được vai trò tác động trở lại của ý thức đối với vật chất
 - C. **Vật chất quyết định ý thức và ý thức tác động trở lại vật chất**
 - D. Vật chất quyết định ý thức và ngược lại ý thức cũng quyết định vật chất
- 1.1.14. Theo Chủ nghĩa duy vật biện chứng, hình thức tồn tại của vật chất là:
- A. **không gian, thời gian**
 - B. vận động
 - C. đứng im
 - D. vận động, không gian, thời gian
- 1.1.15. Theo Ph.Ăngghen, hình thức vận động thấp nhất là:
- A. **Cơ học**
 - B. Hóa học
 - C. Sinh học
 - D. Vật lý
- 1.1.16. Theo cách phân chia các hình thức vận động của Ăngghen, hình thức nào là cao nhất và phức tạp nhất?
- A. Cơ học
 - B. Sinh học
 - C. Vật lý
 - D. **Xã hội**

- 1.1.17. Theo quan điểm của CNDVBC, đứng im là:
- A. **Vận động trong trạng thái cân bằng**
 - B. Nằm im
 - C. Không vận động
 - D. Trạng thái cân bằng
- 1.1.18. Theo quan điểm của CNDVBC, đứng im mang tính chất:
- A. **Tương đối**
 - B. Tuyệt đối
 - C. Vừa tương đối vừa tuyệt đối
 - D. Bình thường, không có gì đặc biệt
- 1.1.19. Vấn đề cơ bản của triết học có mấy mặt?
- A. 01
 - B. **02**
 - C. 03
 - D. 04
- 1.1.20. Hình thức đầu tiên của chủ nghĩa duy vật là gì?
- A. **Chủ nghĩa duy vật chất phác**
 - B. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
 - C. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
 - D. Chủ nghĩa duy vật cực đoan
- 1.1.21. Hình thức cơ bản thứ hai của chủ nghĩa duy vật là gì?
- A. Chủ nghĩa duy vật chất phác
 - B. **Chủ nghĩa duy vật siêu hình**
 - C. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
 - D. Chủ nghĩa duy vật cực đoan
- 1.1.22. Hình thức cơ bản thứ ba của chủ nghĩa duy vật là gì?
- A. Chủ nghĩa duy vật chất phác
 - B. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
 - C. **Chủ nghĩa duy vật biện chứng**
 - D. Chủ nghĩa duy vật cực đoan
- 1.1.23. Chủ nghĩa duy vật biện chứng do ai sáng lập nên?
- A. Mác
 - B. Ph.Ăngghen
 - C. **C.Mác và Ăngghen**
 - D. C.Mác, Ăngghen và V.I.Lênin
- 1.1.24. Theo định nghĩa vật chất của V.I.Lenin thì vật chất là:
- A. Thể giới
 - B. **Thực tại khách quan**
 - C. Cái được cảm giác
 - D. Cái được phản ánh
- 1.1.25. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, ý thức có nguồn gốc từ đâu?
- A. **Vật chất**
 - B. Bộ não người
 - C. Ý thức của Thượng Đế
 - D. Thể giới khách quan
- 1.1.26. Nguồn gốc tự nhiên của ý thức theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng là?
- A. Bộ não của con người
 - B. **Bộ não người và thể giới khách quan**
 - C. Bộ não người và lao động
 - D. Ngôn ngữ và thể giới khách quan
- 1.1.27. Nguồn gốc xã hội của ý thức theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng là?
- A. **Lao động và ngôn ngữ**
 - B. Bộ não người và thể giới khách quan
 - C. Bộ não người và lao động
 - D. Ngôn ngữ và thể giới khách quan

MỨC 3:

1.2.1. Theo quan điểm của triết học Mác-Lênin, phạm trù nào dùng để chỉ “ thực tại khách quan”?

- A. **Vật chất**
- B. Thể giới
- C. Ý thức
- D. Phản ánh

1.2.2. Theo Ph.Ăngghen, phương thức tồn tại của vật chất là gì?

- A. Đứng im
- B. **Vận động**
- C. Phù định
- D. Chuyển hóa từ dạng này sang dạng khác

1.2.3. Vật chất và ý thức tồn tại độc lập, chúng không nằm trong quan hệ sản sinh, cũng không nằm trong quan hệ quyết định nhau, đây là quan điểm của trường phái nào?

- A. **Duy vật**
- B. Duy tâm
- C. Nhị nguyên
- D. Tôn giáo

1.2.4. Sự tương tác giữa 2 hay nhiều hệ thống vật chất, được khái quát bằng phạm trù gì?

- A. **Phản ánh**
- B. Tương tác
- C. Tác động
- D. Chụp lại, chép lại

1.2.5. **Đâu là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất?**

- A. Vật chất là vật thể
- B. **Vật chất không loại trừ cái không là vật thể**
- C. Không là vật thể thì không phải là vật chất
- D. Vật chất là những vật dụng cụ thể do con người tạo ra để thoả mãn nhu cầu của mình

1.2.6. Trường phái nào thừa nhận tính thứ nhất của ý thức con người?

- A. Chủ nghĩa duy vật
- B. **Chủ nghĩa duy tâm chủ quan**
- C. Nhị nguyên luận
- D. Chủ nghĩa duy tâm khách quan

1.2.7. Khi khẳng định vật chất là thực tại khách quan V.I.Lenin thừa nhận con người có khả năng nhận thức được thể giới, đây là quan điểm của trường phái nào?

- A. **Khả tri luận**
- B. Bất khả tri luận
- C. Nhị nguyên luận
- D. Chủ nghĩa duy vật chất phác

1.2.8. Phương thức tồn tại của vật chất là:

- A. **Vận động**
- B. Không gian
- C. Thời gian
- D. Đứng im

1.2.9. Vấn đề cơ bản của triết học là:

- A. Vật chất và ý thức
- B. Vai trò của tự nhiên đối với con người
- C. **Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức**
- D. Khả năng nhận thức của con người

1.2.10. Sự khác nhau cơ bản giữa phản ánh ý thức và các hình thức phản ánh khác của thể giới vật chất là ở chỗ nào?

- A. Phản ánh ý thức mang tính thụ động
 - B. **Tính sáng tạo, năng động, tích cực**
 - C. Tính bị qui định bởi vật phản ánh
 - D. Tính đúng đắn trung thực với vật phản ánh
- 1.2.11. Trong phép biện chứng duy vật, tính chất nào sau đây không phải là tính chất cơ bản của mối liên hệ
- A. **Tuyệt đối**
 - B. Khách quan
 - C. Đa dạng, phong phú
 - D. Phổ biến
- 1.2.12. Các loại vận động sau đây: Chim bay, tàu chạy, sự dao động con lắc, thuộc hình thức vận động nào?
- A. Vận động vật lý
 - B. Vận động hóa học
 - C. **Vận động cơ học**
 - D. Vận động sinh học

MỨC 3:

- 1.3.1. Theo Ph.Ăngghen, ở thời cổ đại, nền triết học nào đã thể hiện một cách sâu sắc tinh thần của phép biện chứng tự phát nhất ?
- A. **Hy Lạp**
 - B. Trung Quốc
 - C. Ấn Độ
 - D. Ai Cập
- 1.3.2. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, vật chất với tư cách là một phạm trù triết học có đặc tính gì?
- A. Độc lập với ý thức, có sinh ra và có mất đi
 - B. Có giới hạn, có sinh ra và có mất đi
 - C. Vô hạn, vô tận, vĩnh viễn tồn tại, độc lập với ý thức
 - D. **Vô hạn, vĩnh viễn tồn tại không phụ thuộc vào cảm giác con người**
- 1.3.3. Khi nói vật chất là cái được cảm giác của chúng ta chép lại, phản ánh lại, về mặt nhận thức luận Lênin muốn khẳng định điều gì?
- A. Cảm giác, ý thức của chúng ta phụ thuộc thụ động vào thế giới vật chất
 - B. Cảm giác, ý thức của chúng ta không thể phản ánh đúng thế giới vật chất
 - C. **Cảm giác, ý thức của chúng ta có khả năng phản ánh đúng thế giới khách quan**
 - D. Cảm giác, ý thức của chúng ta luôn luôn phản ánh đúng thế giới khách quan
- 1.3.4. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về nguồn gốc mối liên hệ giữa các sự vật và hiện tượng là từ đâu?
- A. Do lực lượng siêu nhiên (Thượng đế) sinh ra
 - B. **Do tính thống nhất vật chất của thế giới**
 - C. Do cảm giác thói quen của con người tạo ra.
 - D. Do tư duy con người tạo ra rồi đưa vào tự nhiên và xã hội
- 1.3.5. Sai lầm của chủ nghĩa duy vật trước Mác là:
- A. **Đồng nhất vật chất với vật thể**
 - B. Vật chất bị quyết định bởi ý thức
 - C. Vật chất tồn tại khách quan
 - D. Chưa có khoa học phát triển
- 1.3.6. Sự tác động qua lại giữa 2 hay nhiều hệ thống vật chất mà ở đó chúng lưu giữ hình ảnh, thông tin của nhau được khái quát bằng phạm trù nào?
- A. **Phản ánh**
 - B. Tương tác
 - C. Ảnh hưởng
 - D. Tái tạo

1.3.7. Theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lênin đứng im và vận động có quan hệ với nhau như thế nào?

- A. Đứng im tách rời vận động
- B. **Đứng im bao hàm vận động**
- C. Đứng im có quan hệ với vận động
- D. Có những sự vật chỉ có đứng im, còn những sự vật khác thì luôn vận động

1.3.8. Theo quan điểm triết học Mác – Lênin thì sự thống nhất của thế giới được thể hiện:

- A. Thế giới thống nhất ở một dạng cụ thể của vật chất
- B. Thế giới thống nhất ở lĩnh vực tư tưởng, tinh thần
- C. **Chỉ có một thế giới duy nhất và thống nhất là thế giới vật chất**
- D. Đó là sự thống nhất giữa ý thức và vật chất và do Thượng đế qui định

1.3.9. Khi nói vật chất là cái được cảm giác của chúng ta chép lại, phản ánh lại, về mặt nhận thức luận Lênin muốn khẳng định điều gì?

- A. Cảm giác, ý thức của chúng ta phụ thuộc thụ động vào thế giới vật chất
- B. Cảm giác, ý thức của chúng ta không thể phản ánh đúng thế giới vật chất
- C. **Cảm giác, ý thức của chúng ta có khả năng phản ánh đúng thế giới khách quan**
- D. Cảm giác, ý thức của chúng ta luôn luôn phản ánh đúng thế giới khách quan

1.3.10. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về tính sáng tạo của ý thức là thế nào?

- A. Ý thức tạo ra vật chất
- B. Ý thức tạo ra sự vật trong hiện thực
- C. **Ý thức tạo ra hình ảnh mới về sự vật trong tư duy**
- D. Ý thức phản ánh y nguyên hiện thực khách quan

CHƯƠNG 1+ 2: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG

MỨC 1:

2.1.1. Phép biện chứng trải qua mấy hình thức cơ bản:

- A. 1
- B. 2
- C. **3**
- D. 4

2.1.2. “Phép biện chứng... là môn khoa học về những quy luật phổ biến của sự vận động và sự phát triển của tự nhiên, của xã hội loài người và của tư duy” đây là định nghĩa của:

- A. **Phép biện chứng duy vật**
- B. Phép biện chứng duy vật chất phác
- C. Phép biện chứng duy tâm
- D. Nguyên lý và quy luật

2.1.3. Nội dung của phép biện chứng duy vật gồm bao nhiêu nguyên lý cơ bản:

- A. **2**
- B. 1
- C. 3
- D. 4

2.1.4. Nội dung của phép biện chứng duy vật gồm bao nhiêu quy luật cơ bản:

- A. 2
- B. 1
- C. **3**
- D. 4

2.1.5. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, mối liên hệ giữa các sự vật có tính chất gì?

- A. **Tính khách quan, tính phổ biến, tính đa dạng**
- B. Tính khách quan, đa dạng
- C. Tính ngẫu nhiên, chủ quan
- D. Tính khách quan, tính phổ biến, tính kế thừa

- 2.1.6. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, sự phát triển của các sự vật có tính chất gì?
- Tính khách quan, đa dạng
 - Tính ngẫu nhiên, chủ quan
 - Tính khách quan, tính phổ biến, tính đa dạng**
 - Tính khách quan, tính phổ biến, tính kế thừa
- 2.1.7. “...Các mặt đối lập liên hệ với nhau, thâm nhập vào nhau, tác động qua lại lẫn nhau, làm tiền đề tồn tại cho nhau, nhưng lại bài trừ, phủ định lẫn nhau”. Đó là khái niệm nào sau đây:
- Lượng – chất
 - Mâu thuẫn biện chứng**
 - Phủ định biện chứng
 - Mặt đối lập
- 2.1.8. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng sự thống nhất giữa các mặt đối lập có những biểu hiện gì?
- Sự cùng tồn tại, nương tựa nhau**
 - Sự đồng nhất, có những điểm chung giữa hai mặt đối lập
 - Sự tác động ngang bằng nhau
 - Sự bài trừ phủ định lẫn nhau
- 2.1.9. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng: sự thống nhất giữa lượng và chất được thể hiện trong phạm trù nào?
- Phạm trù độ**
 - Phạm trù điểm nút
 - Phạm trù bước nhảy vọt
 - Phạm trù vật chất
- 2.1.10. Khái niệm nào dùng để chỉ tính rộng khắp, có ở mọi nơi của các mối liên hệ của các sự vật hiện tượng?
- Mối liên hệ phổ biến**
 - Mối liên hệ
 - Mối quan hệ phổ biến
 - Mối quan hệ
- 2.1.11. Trong phép biện chứng, *mối liên hệ* là:
- Mối quan hệ giữa các sự vật, hiện tượng
 - Sự tác động qua lại giữa các sự vật, hiện tượng
 - Sự quy định, tác động và chuyển hóa lẫn nhau giữa các sự vật, hiện tượng**
 - Tính phổ biến giữa các giữa các sự vật, hiện tượng
- 2.1.12. “Độ” là khái niệm dùng để chỉ:
- Sự thay đổi từ chất cũ sang chất mới
 - Thời điểm diễn ra sự thay đổi về chất của sự vật, hiện tượng
 - Là khoảng giới hạn trong đó lượng biến đổi nhưng chất chưa biến đổi**
 - Là khoảng giới hạn trong đó lượng biến đổi dẫn đến chất biến đổi
- 2.1.13. “Bước nhảy” là khái niệm dùng để chỉ:
- Mối quan hệ giữa chất và lượng
 - Sự thay đổi từ chất cũ sang chất mới**
 - Thời điểm diễn ra sự thay đổi về chất của sự vật, hiện tượng
 - Sự thống nhất biện chứng giữa chất và lượng trong cùng một sự vật, hiện tượng
- 2.1.14. Theo qui luật lượng – chất tính quy định nói lên qui mô trình độ phát triển của sự vật hiện tượng được gọi là gì?
- Chất
 - Lượng**
 - Độ
 - Điểm nút

- 2.1.15. Theo qui luật lượng – chất tính quy định nói lên sự thống nhất hữu cơ giữa các bộ phận cấu thành của sự vật hiện tượng được gọi là gì?
- Chất**
 - Lượng
 - Độ
 - Điểm nút
- 2.1.16. Theo qui luật lượng – chất, giới hạn mà ở đó lượng thay đổi dẫn đến chất thay đổi được gọi là gì?
- Điểm nút**
 - Độ
 - Bước nhảy
 - Điểm nút
- 2.1.17. Sự tự phủ định để đưa sự vật dường như quay lại điểm xuất phát ban đầu trong phép biện chứng được gọi là gì?
- Phủ định biện chứng
 - Phủ định của phủ định**
 - Chuyển hóa
 - Phủ định siêu hình
- 2.1.18. Phủ định biện chứng là :
- Sự thay thế sự vật này bằng sự vật khác trong quá trình vận động và phát triển
 - Sự phủ định có tính khách quan và tính kế thừa**
 - Sự phủ định có sự tác động của sự vật khác
 - Phủ định làm cho sự vật vận động thụt lùi, đi xuống
- 2.1.19. Chất của sự vật là :
- Bất kỳ thuộc tính nào của sự vật
 - Thuộc tính cơ bản của sự vật
 - Tổng hợp các thuộc tính cơ bản của sự vật**
 - trình độ quy mô của sự vật
- 2.1.20. Toàn bộ các hoạt động vật chất có mục đích, mang tính lịch sử – xã hội của con người nhằm cải tạo tự nhiên và xã hội được gọi là:
- Lao động
 - Sản xuất
 - Thực tiễn**
 - Nhận thức
- 2.1.21. Triết học Mác - Lênin cho rằng chủ thể nhận thức là:
- Một người
 - Động vật có hệ thần kinh trung ương
 - Một tập thể
 - Con người**
- 2.1.22. Triết học Mác - Lênin cho rằng khách thể nhận thức là:
- Thế giới vật chất
 - Thế giới tinh thần
 - Hiện thực khách quan
 - Hiện thực khách quan nằm trong phạm vi hoạt động của con người**
- 2.1.23. Sự phủ hợp giữa tri thức với hiện thực khách quan được thực tiễn kiểm nghiệm gọi là:
- Chân lý**
 - Tri thức lý luận
 - Tri thức kinh nghiệm
 - Tri thức thông thường
- 2.1.24. Nhận thức cảm tính được thực hiện dưới các hình thức nào?
- Khái niệm và phán đoán
 - Cảm giác, tri giác và biểu tượng**
 - Cảm giác, tri giác và khái niệm
 - Khái niệm, phán đoán và suy lý

- 2.1.25. **Nhận thức lý tính được thực hiện dưới các hình thức nào?**
- Khái niệm, phán đoán và suy lý**
 - Cảm giác, tri giác và biểu tượng
 - Cảm giác, tri giác và khái niệm
 - Khái niệm, tri giác và suy lý
- 2.1.26. **Khái niệm là hình thức nhận thức của giai đoạn nào?**
- Nhận thức cảm tính
 - Nhận thức lý tính**
 - Nhận thức kinh nghiệm
 - Nhận thức lý luận
- 2.1.27. **Sự vận dụng các khái niệm để khẳng định hoặc phủ định một thuộc tính, một mối liên hệ nào đó của hiện thực khách quan gọi là:**
- Tưởng tượng
 - Tổng hợp
 - Phán đoán**
 - Suy lý
- 2.1.28. **Hình thức nào là hình thức đầu tiên của giai đoạn trực quan sinh động?**
- Khái niệm
 - Cảm giác**
 - Biểu tượng
 - Tri giác
- 2.1.29. **Tiêu chuẩn của chân lý theo quan điểm của triết học Mác – Lênin là gì?**
- Thực tiễn**
 - Khoa học
 - Nhận thức
 - Hiện thực khách quan
- 2.1.30. **Điền vào chỗ trống cho đúng định nghĩa sau: “Nhận thức là thế giới khách quan vào trong đầu óc con người một cách năng động sáng tạo trên cơ sở thực tiễn.**
- quá trình phản ánh**
 - sự phản ánh
 - sự ghi chép
 - sự tác động của
- 2.1.31. **Quan điểm của Lênin về con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý là gì?**
- Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng, và từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn.**
 - Từ tư duy trừu tượng đến trực quan sinh động, và từ trực quan sinh động đến thực tiễn.
 - Từ nhận thức lý tính đến nhận thức cảm tính, và từ nhận thức cảm tính, đến thực tiễn.
 - Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng.
- 2.1.32. **Mâu thuẫn đối kháng là mâu thuẫn chỉ tồn tại trong đâu?**
- Tự nhiên
 - Xã hội tư bản
 - Xã hội loài người
 - Xã hội loài người có phân chia giai cấp**
- 2.1.33. **Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng các mặt đối lập do đâu mà có?**
- Do ý thức cảm giác của con người tạo ra
 - Do thần linh, thượng đế tạo ra
 - Do lao động của con người tạo ra
 - Vốn có của thế giới vật chất, không do ai sinh ra**
- 2.1.34. **“Phép biện chứng duy vật” bao gồm những nguyên lý cơ bản nào?**
- Nguyên lý về mối liên hệ .
 - Nguyên lý về tính hệ thống , cấu trúc
 - Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến, và sự phát triển**
 - Nguyên lý về sự vận động và sự phát triển .

- 2.1.35. Trong qui luật phủ định của phủ định, sự thay thế sự vật này bằng sự vật kia (ví dụ: nụ thành hoa, hoa thành quả....) được gọi là gì?
- A. Vận động
 - B. Tồn tại
 - C. Mâu thuẫn
 - D. Phủ định biện chứng**

MỨC 2:

- 2.2.1. Khoảng giới hạn trong đó lượng biến đổi nhưng chất chưa biến đổi được khái quát bằng phạm trù gì?
- A. Độ**
 - B. Lượng
 - C. Chất
 - D. Bước nhảy
- 2.2.2. Sự thay đổi từ chất cũ sang chất mới được khái quát bằng phạm trù gì?
- A. Độ
 - B. Lượng
 - C. Chất
 - D. Bước nhảy**
- 2.2.3. Qui luật phủ định của phủ định chỉ rõ sự phát triển là khuynh hướng chung, tất yếu của các sự vật, hiện tượng trong thế giới khách quan. Song quá trình đó diễn ra như thế nào?
- A. Theo đường thẳng
 - B. Theo đường tròn khép kín
 - C. Theo đường xoắn ốc**
 - D. Một cách tuần tự từ thấp đến cao
- 2.2.4. Quá trình chuyển biến từ vượn thành người trong lịch sử xã hội loài người. Quá trình này thể hiện:
- A. Bước nhảy toàn bộ
 - B. Bước nhảy cục bộ
 - C. Bước nhảy đột biến
 - D. Bước nhảy dần dần**
- 2.2.5. Trong quy luật mâu thuẫn, tính qui định về chất và tính qui định về lượng được gọi là gì?
- A. Hai mặt đối lập**
 - B. Hai sự vật
 - C. Hai quá trình
 - D. Hai thuộc tính
- 2.2.6. Cơ sở lý luận của quan điểm toàn diện là:
- A. Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến**
 - B. Nguyên lý về sự phát triển
 - C. Quy luật Lượng –chất
 - D. Quy luật mâu thuẫn
- 2.2.7. cơ sở lý luận của quan điểm phát triển là:
- A. Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến
 - B. Nguyên lý về sự phát triển**
 - C. Quy luật Lượng –chất
 - D. Quy luật mâu thuẫn
- 2.2.8. Phủ định làm cho sự vật vận động thụt lùi, đi xuống, tan rã, nó không tạo điều kiện cho sự phát triển. Đó là:
- A. Phủ định của phủ định
 - B. Phủ định biện chứng
 - C. Phủ định siêu hình**
 - D. Phủ định vô tận

- 2.2.9. **Mâu thuẫn nào trong số các mâu thuẫn sau đây là mâu thuẫn cơ bản :**
- Mâu thuẫn quy định bản chất của sự vật, tồn tại từ đầu đến cuối trong suốt quá trình tồn tại, phát triển của sự vật. Khi mâu thuẫn này được giải quyết thì làm thay đổi căn bản chất của sự vật**
 - Mâu thuẫn chỉ đặc trưng cho một phương diện nào đó của sự vật
 - Mâu thuẫn nổi lên hàng đầu và chi phối các mâu thuẫn khác trong giai đoạn phát triển nhất định của sự vật
 - Mâu thuẫn quy định bản chất của sự vật
- 2.2.10. **Thêm cụm từ thích hợp vào chỗ trống của câu sau để được khái niệm về chân lý: “Chân lý là những..... (1)..... phù hợp với hiện thực khách quan và được.....(2)..... kiểm nghiệm”**
- (1)- cảm giác của con người; (2) – ý niệm tuyệt đối
 - (1) - tri thức ; (2) – thực tiễn.**
 - (1) - ý kiến; (2) - nhiều người
 - (1) - kiến thức; (2) - nhiều người
- 2.2.11. **Hình thức nào của tư duy trừu tượng là hình thức liên kết các khái niệm?**
- Phán đoán**
 - Suy lý
 - Tri giác
 - Biểu tượng
- 2.2.12. **Hình thức nào của tư duy trừu tượng là hình thức liên kết các phán đoán?**
- Khái niệm
 - Suy lý**
 - Tri giác
 - Biểu tượng
- 2.2.13. **Thêm cụm từ thích hợp vào chỗ trống của câu sau để có được định nghĩa về phạm trù thực tiễn : “Thực tiễn là toàn bộ những của con người nhằm cải tạo tự nhiên và xã hội”**
- hoạt động
 - hoạt động vật chất
 - hoạt động có mục đích
 - hoạt động vật chất có mục đích, mang tính lịch sử – xã hội**
- 2.2.14. **Hình thức hoạt động thực tiễn cơ bản nhất qui định các hình thức hoạt động khác là hình thức nào sau đây:**
- Hoạt động sản xuất vật chất**
 - Hoạt động chính trị xã hội
 - Hoạt động quan sát và thực nghiệm khoa học
 - Hoạt động chính trị
- 2.2.15. **Nhận thức của con người hình thành và phát triển là từ:**
- Lao động
 - Hoạt động xã hội
 - Hoạt động nhận thức
 - Thực tiễn**
- 2.2.16. **Trình độ nhận thức nào được hình thành từ sự quan sát trực tiếp các sự vật hiện tượng trong giới tự nhiên, xã hội hoặc qua các thí nghiệm khoa học?**
- Nhận thức kinh nghiệm**
 - Nhận thức lý luận
 - Nhận thức thông thường
 - Nhận thức khoa học
- 2.2.17. **Trình độ nhận thức nào gián tiếp trừu tượng, có tính hệ thống trong việc khái quát bản chất, quy luật của các sự vật hiện tượng ?**
- Nhận thức kinh nghiệm
 - Nhận thức lý luận**
 - Nhận thức thông thường
 - Nhận thức khoa học

- 2.2.18. Trình độ nhận thức nào được hình thành một cách tự phát, trực tiếp từ hoạt động hằng ngày, có vai trò thường xuyên và phổ biến chi phối hoạt động của mọi người trong xã hội ?
- Nhận thức kinh nghiệm
 - Nhận thức lý luận
 - Nhận thức thông thường**
 - Nhận thức khoa học
- 2.2.19. Nhận thức nào được hình thành một cách tự giác và gián tiếp từ sự phản ánh đặc điểm, bản chất, những quan hệ tất yếu của đối tượng nghiên cứu?
- Nhận thức kinh nghiệm
 - Nhận thức lý luận
 - Nhận thức thông thường
 - Nhận thức khoa học**
- 2.2.20. Trong xã hội sự phát triển biểu hiện ra như thế nào?
- Sự xuất hiện các hợp chất mới
 - Sự xuất hiện các thành tựu khoa học kỹ thuật
 - Sự xuất hiện các giống loài động vật, thực vật mới thích ứng tốt hơn với môi trường
 - Sự thay thế chế độ xã hội này bằng một chế độ xã hội khác dân chủ, văn minh hơn**
- 2.2.21. Cách mạng tháng 8/1945 của VN là bước nhảy gì?
- Lớn, Dần dần.
 - Nhỏ, Cục bộ.
 - Lớn, toàn bộ, đột biến.**
 - Lớn, Đột biến.

MỨC 3:

- 2.3.1. Hai mặt đối lập ràng buộc nhau, tạo tiền đề tồn tại cho nhau, trong triết học gọi là gì?
- Sự đấu tranh của hai mặt đối lập
 - Sự thống nhất của hai mặt đối lập**
 - Sự chuyển hóa của hai mặt đối lập
 - Sự cân bằng của hai mặt đối lập
- 2.3.2. Quy luật mâu thuẫn chỉ ra:
- Xu hướng của sự phát triển
 - Cách thức của sự phát triển
 - Nguồn gốc, động lực của sự phát triển**
 - Tính chất của sự phát triển
- 2.3.3. Quy luật lượng - chất chỉ ra:
- Cách thức của sự vận động phát triển**
 - Tính chất của sự vận động phát triển
 - Khuynh hướng của sự vận động phát triển
 - Nguồn gốc, động lực của sự phát triển
- 2.3.4. Quy luật phủ định của phủ định chỉ ra:
- Cách thức của sự vận động phát triển
 - Tính chất của sự vận động phát triển
 - Khuynh hướng của sự vận động phát triển**
 - Nguồn gốc, động lực của sự phát triển
- 2.3.5. Thành ngữ: “Nước chảy đá mòn” là sự vận dụng nguyên lý/quy luật nào?
- Quy luật lượng - chất**
 - Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến
 - Quy luật phủ định của phủ định
 - Nguyên lý về sự phát triển
- 2.3.6. Thành ngữ: “Bức dây động rừng” là sự vận dụng nguyên lý/quy luật nào?
- Nguyên lý về sự phát triển
 - Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến**
 - Quy luật lượng - chất
 - Quy luật phủ định của phủ định

- 2.3.7. **Sự tác động theo xu hướng nào thì được gọi là sự đấu tranh của các mặt đối lập?**
- Ràng buộc nhau
 - Phủ định bài trừ nhau**
 - Nương tựa nhau
 - Chuyển hóa nhau
- 2.3.8. **Định lý hình học “Tổng các góc trong của một tam giác bằng 180° ” xét đến cùng được rút ra từ đâu?**
- Nhận thức
 - Cảm giác
 - Suy luận
 - Thực tiễn**
- 2.3.9. **Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là sai?**
- Chân lý có tính khách quan
 - Chân lý có tính tương đối
 - Chân lý có tính trừu tượng**
 - Chân lý có tính cụ thể
- 2.3.10. **Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là sai?**
- Nhận thức cảm tính gắn liền với thực tiễn**
 - Nhận thức cảm tính chưa phân biệt được cái bản chất với cái không bản chất
 - Nhận thức cảm tính chưa phản ánh đầy đủ và sâu sắc sự vật
 - Nhận thức cảm tính chưa thấy được bản chất, đặc tính chung nhất của sự vật
- 2.3.11. **“Tốt gỗ hơn tốt nước sơn” là quan điểm của nhận thức nào?**
- Nhận thức cảm tính
 - Nhận thức lý tính**
 - Nhận thức khoa học
 - Nhận thức lý luận
- 2.3.12. **Trong lý luận về mâu thuẫn, người ta gọi quá trình đồng hóa và dị hóa trong cơ thể sống là gì?**
- Những sự vật
 - Hai yếu tố
 - Những thuộc tính
 - Hai mặt đối lập**
- 2.3.13. **Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, các mối liên hệ có vai trò như thế nào đối với sự tồn tại và phát triển của sự vật?**
- Có vai trò ngang bằng nhau
 - Có vai trò khác nhau, cần phải xem xét mọi mối liên hệ**
 - Có vai trò khác nhau, nên chỉ cần biết một số mối liên hệ
 - Có vai trò quan trọng như nhau mọi lúc, mọi nơi
- 2.3.14. **Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây sai?**
- Chất là tính qui định vốn có của sự vật
 - Chất đồng nhất với thuộc tính**
 - Chất là tổng hợp hữu cơ các thuộc tính của sự vật nói lên sự vật là cái gì
 - Lượng tồn tại khách quan gắn liền với sự vật
- 2.3.15. **Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây sai?**
- Mặt đối lập là những mặt có đặc điểm trái ngược nhau
 - Mặt đối lập tồn tại khách quan trong các sự vật
 - Mặt đối lập là vốn có của các sự vật, hiện tượng
 - Mặt đối lập không nhất thiết phải gắn liền với sự vật**
- 2.3.16. **Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, các mối liên hệ có vai trò như thế nào đối với sự tồn tại và phát triển của sự vật?**
- Có vai trò ngang bằng nhau
 - Có vai trò khác nhau, cần phải xem xét mọi mối liên hệ**
 - Có vai trò khác nhau, nên chỉ cần biết một số mối liên hệ
 - Có vai trò quan trọng như nhau mọi lúc, mọi nơi

- 2.3.17. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là đúng?
- Phát triển của sự vật chỉ bao hàm sự thay đổi về lượng
 - Phát triển của sự vật chỉ bao hàm sự thay đổi về chất
 - Quá trình phát triển của sự vật là quá trình chuyển hóa từ sự thay đổi dần dần về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất và ngược lại**
 - Phát triển là sự thay đổi về chất dẫn đến thay đổi về lượng và ngược lại
- 2.3.18. Theo quan điểm triết học Mác – Lênin, chất của sự vật, hiện tượng sẽ thay đổi khi:
- Có sự biến đổi về lượng của sự vật, hiện tượng
 - Sự biến đổi về lượng của sự vật, hiện tượng đạt đến giới hạn điểm nút**
 - Có mâu thuẫn giữa chất và lượng trong cùng một sự vật, hiện tượng
 - Diễn ra sự đấu tranh giữa hai mặt chất và lượng trong cùng một sự vật, hiện tượng
- 2.3.19. Theo quan điểm triết học Mác – Lênin, chất của sự vật, hiện tượng sẽ thay đổi khi:
- Có sự biến đổi về lượng của sự vật, hiện tượng
 - Sự biến đổi về lượng của sự vật, hiện tượng đạt đến giới hạn điểm nút**
 - Có mâu thuẫn giữa chất và lượng trong cùng một sự vật, hiện tượng
 - Diễn ra sự đấu tranh giữa hai mặt chất và lượng trong cùng một sự vật, hiện tượng
- 2.3.20. Theo anh (chị) bệnh chủ quan, duy ý chí biểu hiện như thế nào?
- Chỉ căn cứ vào kinh nghiệm lịch sử để định ra chiến lược và sách lược
 - Chỉ căn cứ vào quy luật khách quan để định ra chiến lược và sách lược
 - Chỉ căn cứ vào kinh nghiệm của người khác để định ra chiến lược và sách lược
 - Chỉ căn cứ vào mong muốn chủ quan để định ra chiến lược và sách lược**

CHƯƠNG 3: CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ

MỨC 1:

- 3.1.1. Lực lượng sản xuất biểu hiện mối quan hệ giữa:
- Con người với con người
 - Con người với giới tự nhiên**
 - Con người với tư liệu sản xuất
 - Con người với xã hội
- 3.1.2. Quan hệ sản xuất bao gồm:
- Tất cả các quan hệ giữa con người với con người trong xã hội
 - Tất cả các quan hệ giữa con người với con người trong quá trình sản xuất, lưu thông và tiêu dùng hàng hóa.
 - Tất cả các quan hệ giữa con người với con người trong quá trình sản xuất t.**
 - Tất cả các quan hệ giữa con người với tự nhiên trong quá trình sản xuất.
- 3.1.3. Cơ sở hạ tầng của xã hội là:
- Đường xá, cầu cống, sân bay, bến cảng
 - Toàn bộ cơ sở vật chất của xã hội
 - Toàn bộ quan hệ sản xuất hợp thành cơ sở kinh tế của xã hội**
 - Toàn bộ quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất
- 3.1.4. Phương thức sản xuất là gì ?
- Cách thức con người quan hệ với tự nhiên.
 - Cách thức tái sản xuất giống loài.
 - Cách thức con người quan hệ với nhau trong sản xuất.
 - Cách thức của con người thực hiện sản xuất vật chất ở mỗi giai đoạn lịch sử.**
- 3.1.5. Phương thức sản xuất gồm:
- Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất**
 - Lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và cơ sở hạ tầng
 - Lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng
 - Lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng

- 3.1.6. **Kiến trúc thượng tầng là gì?**
A. Các quan hệ sản xuất hiện có trong xã hội
B. Hệ tư tưởng của giai cấp thống trị
C. Cơ sở kinh tế của xã hội
D. **Những quan điểm, tư tưởng và các thiết chế của xã hội được hình thành trên cơ sở hạ tầng.**
- 3.1.7. **Tư liệu sản xuất bao gồm:**
A. Con người và công cụ lao động
B. Con người lao động, công cụ lao động và đối tượng lao động.
C. **Đối tượng lao động và tư liệu lao động**
D. Công cụ lao động và tư liệu lao động
- 3.1.8. **Yếu tố cách mạng nhất trong lực lượng sản xuất:**
A. Đối tượng lao động
B. Phương tiện lao động
C. **Công cụ lao động**
D. Tư liệu lao động
- 3.1.9. **Trong mỗi quan hệ giữa người và người trong quá trình sản xuất, loại quan hệ nào giữ vai trò quyết định các loại quan hệ còn lại:**
A. **Quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất**
B. Quan hệ tổ chức quản lý quá trình sản xuất
C. Quan hệ phân phối sản phẩm làm ra
D. Quan hệ giữa người quản lý và người làm thuê
- 3.1.10. **Mặt tự nhiên của phương thức sản xuất là gì?**
A. Quan hệ sản xuất
B. Kiến trúc thượng tầng
C. bCơ sở hạ tầng
D. **Lực lượng sản xuất**
- 3.1.11. **Mặt xã hội của phương thức sản xuất là gì?**
A. **Quan hệ sản xuất**
B. Kiến trúc thượng tầng
C. Cơ sở hạ tầng
D. Lực lượng sản xuất
- 3.1.12. **Mâu thuẫn đối kháng tồn tại ở đâu?**
A. Tư duy
B. Tự nhiên, xã hội và tư duy
C. Tự nhiên
D. **Xã hội có giai cấp đối kháng**
- 3.1.13. **Cách viết nào sau đây là đúng:**
A. **Hình thái kinh tế – xã hội**
B. Hình thái xã hội
C. Hình thái kinh tế của xã hội
D. Hình thái kinh tế, xã hội
- 3.1.14. **Yếu tố giữ vai trò quyết định trong lực lượng sản xuất là:**
A. Công cụ lao động
B. **Người lao động**
C. Khoa học - công nghệ
D. Phương tiện lao động
- 3.1.15. **“Trình độ phát triển của công cụ lao động, của khoa học công nghệ, khoa học kỹ thuật, phân công lao động và người lao động”. Đó là khái niệm nào?**
A. Tính chất của lực lượng sản xuất
B. Cơ sở hạ tầng
C. Kiến trúc thượng tầng
D. **Trình độ của lực lượng sản xuất**

- 3.1.16. **Hãy chọn phán đoán đúng về khái niệm Cách mạng?**
- A. Cách mạng là sự thay đổi của xã hội
 - B. Cách mạng là sự vận động của xã hội.
 - C. **Cách mạng là sự thay đổi trong đó chất của sự vật biến đổi căn bản không phụ thuộc vào hình thức biến đổi của nó.**
 - D. Cách mạng là sự thay đổi về lượng với những biến đổi nhất định về chất.
- 3.1.17. **Bản chất của con người là:**
- A. Tổng hợp các quan hệ xã hội
 - B. Do thượng đế quyết định.
 - C. Do di truyền tộc loại.
 - D. **Tổng hòa các quan hệ xã hội**
- 3.1.18. **Vai trò quyết định lịch sử thuộc về ai?**
- A. Các lãnh tụ, các vĩ nhân.
 - B. **Quần chúng nhân dân.**
 - C. Những lực lượng siêu nhiên.
 - D. Giai cấp thống trị.
- 3.1.19. **Nguyên nhân sâu xa của việc ra đời giai cấp thuộc lĩnh vực nào?**
- A. Lĩnh vực quyền lực chính trị
 - B. **Lĩnh vực kinh tế**
 - C. Lĩnh vực tôn giáo
 - D. Lĩnh vực xã hội
- 3.1.20. **Bộ phận có vai trò quan trọng và hiệu lực mạnh mẽ của kiến trúc thượng tầng trong sự tác động trở lại cơ sở hạ tầng là:**
- A. Tôn giáo
 - B. **Nhà nước**
 - C. Đạo đức
 - D. Triết học
- 3.1.21. **Đề đảm bảo sự phát triển hài hòa của lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và:**
- A. Trình độ của người lao động
 - B. **Trình độ của lực lượng sản xuất**
 - C. Trình độ phát triển của công cụ lao động
 - D. Trình độ tư liệu sản xuất
- 3.1.22. **Tính chất của lực lượng sản xuất là:**
- A. Tính chất hiện đại và tính chất cá nhân
 - B. **Tính chất cá nhân và tính chất xã hội hoá.**
 - C. Tính chất xã hội hóa và tính chất hiện đại.
 - D. Tính chất xã hội và tính chất hiện đại
- 3.1.23. **Đặc điểm nổi bật của tâm lý xã hội là:**
- A. Phản ánh khái quát đời sống xã hội
 - B. **Phản ánh trực tiếp điều kiện sinh sống hàng ngày**
 - C. Phản ánh bản chất của tồn tại xã hội
 - D. Phản ánh tình cảm, tâm trạng của một cộng đồng người
- 3.1.24. **Điều kiện nào có vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của tồn tại xã hội:**
- A. Điều kiện địa lý tự nhiên
 - B. Điều kiện dân số, mật độ dân số
 - C. **Phương thức sản xuất**
 - D. Điều kiện địa lý tự nhiên, mật độ dân số và phương thức sản xuất
- 3.1.25. **Trong định nghĩa về giai cấp của Lênin, đặc trưng nào quan trọng nhất?**
- A. **Giai cấp có mối quan hệ khác nhau đối với tư liệu sản xuất.**
 - B. Những tập đoàn người có địa vị khác nhau
 - C. Có vai trò khác nhau trong tổ chức lao động xã hội
 - D. Có sự khác nhau về phương thức và quy mô thu nhập

3.1.26. **Sự phân chia giai cấp trong xã hội bắt đầu từ hình thái kinh tế – xã hội nào?**

- A. Cộng sản nguyên thủy
- B. Phong kiến
- C. **Chiếm hữu nô lệ**
- D. Tư bản chủ nghĩa.

3.1.27. **Sản xuất vật chất là :**

- A. **Quá trình con người sử dụng công cụ lao động tác động vào tự nhiên, cải biến các dạng vật chất của giới tự nhiên nhằm tạo ra của cải vật chất thỏa mãn nhu cầu tồn tại và phát triển của con người.**
- B. Cách thức con người thực hiện quá trình sản xuất vật chất ở những giai đoạn lịch sử nhất định của xã hội loài người .
- C. Con người tham gia vào quá trình sản xuất vật chất.
- D. Hoạt động thỏa mãn nhu cầu của con người

3.1.28. **Công cụ lao động là :**

- A. **Những vật đóng vai trò trung gian để tải sức của người lao động vào những vật chất khác trong quá trình sản xuất vật chất.**
- B. Những vật hỗ trợ con người vận chuyển, bảo quản trong quá trình sản xuất vật chất.
- C. Những vật nhận sự tác động của công cụ lao động trong quá trình sản xuất vật chất.
- D. Quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất .

3.1.29. **Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, đời sống tinh thần của con người được diễn đạt bằng phạm trù nào?**

- A. Tồn tại xã hội
- B. Đời sống ý thức
- C. Ý thức tâm linh
- D. **Ý thức xã hội**

3.1.30. **Vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng xã hội là vấn đề gì?**

- A. Tiêu diệt giai cấp thống trị
- B. **Giành chính quyền**
- C. Xây dựng lực lượng vũ trang
- D. Cải cách chính quyền

MỨC 2:

3.2.1. **Sự thống nhất giữa lực lượng sản xuất ở một trình độ nhất định và quan hệ sản xuất tương ứng tạo thành :**

- A. Hình thái kinh tế - xã hội
- B. **Phương thức sản xuất**
- C. Cơ sở hạ tầng
- D. Kiến trúc thượng tầng

3.2.2. **Chọn phán đoán sai về các yếu tố của quan hệ sản xuất**

- A. Quan hệ sở hữu đối với tư liệu sản xuất.
- B. Quan hệ trong tổ chức và quản lý sản xuất.
- C. **Quan hệ về mọi mặt giữa người lao động và ông chủ.**
- D. Quan hệ trong phân phối sản phẩm lao động.

3.2.3. **Chọn phán đoán đúng về quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất:**

- A. Vai trò quyết định thuộc về lực lượng sản xuất hay quan hệ sản xuất là tùy thuộc vào điều kiện cụ thể
- B. Quan hệ sản xuất quyết định lực lượng sản xuất
- C. Không cái nào quyết định cái nào
- D. **Lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất**

3.2.4. **Nguyên nhân sâu xa của Cách mạng xã hội ?**

- A. Mâu thuẫn về quan điểm giữa những lực lượng chính trị khác nhau trong xã hội
- B. Mâu thuẫn giữa giai cấp cách mạng và phản cách mạng
- C. Mâu thuẫn giữa các giai cấp, tầng lớp trong xã hội
- D. **Mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất**

- 3.2.5. **Cấu trúc của một hình thái kinh tế – xã hội gồm các yếu tố cơ bản hợp thành:**
- A. Lĩnh vực vật chất và lĩnh vực tinh thần
 - B. Cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng
 - C. **Quan hệ sản xuất, lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng**
 - D. Quan hệ sản xuất, cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng
- 3.2.6. **Tiêu chuẩn khách quan để phân biệt các chế độ xã hội trong lịch sử?**
- A. Lực lượng sản xuất
 - B. **Quan hệ sản xuất đặc trưng**
 - C. Chính trị tư tưởng
 - D. Phương thức sản xuất
- 3.2.7. **Các nội dung sau thuộc kiến trúc thượng tầng nước ta hiện nay, ngoại trừ:**
- A. Chủ nghĩa Mác – Lênin
 - B. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
 - C. Tư tưởng Hồ Chí Minh
 - D. **Thành phần kinh tế nhà nước**
- 3.2.8. **Trong các nhân tố tất yếu của sản xuất và đời sống, nhân tố giữ vai trò quyết định sự tồn tại và phát triển của xã hội là:**
- A. Tài nguyên
 - B. Điều kiện dân số
 - C. Khoa học kỹ thuật
 - D. **Phương thức sản xuất**
- 3.2.9. **Đời sống tinh thần của con người, theo quan điểm chủ nghĩa duy vật biện chứng được diễn đạt bằng khái niệm:**
- A. Tồn tại xã hội
 - B. Đời sống tâm linh
 - C. Đời sống ý thức
 - D. **Ý thức xã hội**
- 3.2.10. **Hệ tư tưởng được biểu hiện cụ thể là:**
- A. Tình cảm, tâm trạng
 - B. **Học thuyết Mác – Lênin**
 - C. Thói quen, thái độ
 - D. Ước muốn, động cơ.
- 3.2.11. **Tâm lý xã hội và hệ tư tưởng là hai cấp độ phản ánh khác nhau của:**
- A. Tồn tại xã hội
 - B. **Ý thức xã hội**
 - C. Kiến trúc thượng tầng
 - D. Cơ sở hạ tầng.
- 3.2.12. **Mâu thuẫn đối kháng giữa các giai cấp là do:**
- A. Sự khác nhau về tư tưởng, lối sống
 - B. **Sự đối lập về lợi ích cơ bản – lợi ích kinh tế**
 - C. Sự khác nhau giữa giàu và nghèo
 - D. Sự khác nhau về mức thu nhập.
- 3.2.13. **Cấu trúc của Kiến trúc thượng tầng gồm:**
- A. Đảng phái ,nhà nước xây dựng trên quan hệ sản xuất nhất định.
 - B. Toàn bộ những quan điểm chính trị, pháp quyền,triết học, đạo đức, tôn giáo, nghệ thuật...
 - C. Những thiết chế xã hội như nhà nước, đảng phái, giáo hội, các đoàn thể xã hội...
 - D. **Toàn bộ những quan điểm chính trị, pháp quyền, triết học, đạo đức, tôn giáo, nghệ thuật...Những thiết chế xã hội tương ứng như nhà nước, đảng phái, giáo hội, các đoàn thể...**
- 3.2.14. **Đấu tranh giai cấp trong lịch sử nhân loại giữ vai trò gì?**

- A. Động lực cơ bản của sự phát triển xã hội
 - B. Thay thế các hình thái kinh tế – xã hội từ thấp tới cao
 - C. **Một động lực quan trọng của sự phát triển xã hội trong các xã hội có giai cấp**
 - D. Lật đổ ách thống trị của giai cấp thống trị.
- 3.2.15. **Kết cấu giai cấp trong xã hội có giai cấp gồm:**
- A. Các giai cấp cơ bản
 - B. Các giai cấp cơ bản và giai cấp không cơ bản
 - C. **Các giai cấp cơ bản, giai cấp không cơ bản và tầng lớp trung gian**
 - D. Các giai cấp đối kháng.
- 3.2.16. **Hình thức đấu tranh đầu tiên của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản là hình thức đấu tranh:**
- A. Tư tưởng
 - B. Chính trị
 - C. **Kinh tế**
 - D. Vũ trang.
- 3.2.17. **Trong các đặc trưng của giai cấp, đặc trưng nào giữ vai trò chi phối các đặc trưng còn lại?**
- A. Tập đoàn này có thể chiếm đoạt lao động của tập đoàn khác
 - B. **Khác nhau về quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất xã hội**
 - C. Khác nhau về vai trò trong tổ chức lao động xã hội
 - D. Khác nhau về địa vị trong hệ thống tổ chức xã hội.
- 3.2.18. **Giai cấp thống trị về kinh tế trong xã hội trở thành giai cấp thống trị về chính trị nhờ:**
- A. Hệ thống luật pháp
 - B. Hệ tư tưởng
 - C. **Nhà nước**
 - D. Vị thế chính trị.
- 3.2.19. **Nguyên nhân sâu xa nhất của cách mạng xã hội là:**
- A. Nguyên nhân chính trị
 - B. **Nguyên nhân kinh tế**
 - C. Nguyên nhân tư tưởng
 - D. Nguyên nhân tâm lý
- 3.2.20. **Bản chất của con người được quyết định bởi:**
- A. **Các mối quan hệ xã hội**
 - B. Nỗ lực của mỗi cá nhân
 - C. Giáo dục của gia đình và nhà trường
 - D. Hoàn cảnh xã hội

MỨC 3:

- 3.3.1. **Cuộc cách mạng nào sau đây là cách mạng xã hội?**
- A. CM văn hóa ở Trung hoa.
 - B. CM xanh ở Ấn Độ.
 - C. CM Khoa học kỹ thuật ở Mỹ
 - D. CM Nga 1917.
- 3.3.2. **Vai trò của quần chúng nhân dân anh hùng lãnh tụ?**
- A. “Anh hùng tạo nên thời thế”. Vì không có lãnh tụ tài ba thì cách mạng không thể thắng lợi.
 - B. **“Thời thế tạo nên anh hùng” vì anh hùng lãnh tụ là sản phẩm của thời đại, được quần chúng tôn vinh và nguyện hy sinh quên mình cho lợi ích của quần chúng.**
 - C. Anh hùng, vĩ nhân do trời ban cho.
 - D. Lãnh tụ, vĩ nhân là những người kiệt xuất không bao giờ có khuyết điểm.
- 3.3.3. **Tư tưởng “trọng nam khinh nữ” trong thời đại hiện nay thể hiện tính chất gì của ý thức xã hội?**

- A. Tính bảo thủ
 - B. Tính kế thừa
 - C. **Tính lạc hậu**
 - D. Tính vượt trước
- 3.3.4. **Thiện và ác là cặp phạm trù của hình thái ý thức nào?**
- A. Chính trị
 - B. Tôn giáo
 - C. **Đạo đức**
 - D. Pháp quyền
- 3.3.5. **“Trời nắng tốt dưa, trời mưa tốt lúa”. Đây là tri thức của con người thể hiện ở cấp độ:**
- A. Lý luận
 - B. Nghiên cứu
 - C. **Kinh nghiệm**
 - D. Khoa học
- 3.3.6. **Quan điểm “Trung với Đảng, hiếu với dân” của Chủ tịch Hồ Chí Minh là thể hiện tính chất nào của ý thức xã hội?**
- A. Tính bảo thủ
 - B. **Tính kế thừa**
 - C. Tính lạc hậu
 - D. Tính vượt trước
- 3.3.7. **Ý thức xã hội không phụ thuộc vào tồn tại xã hội một cách thụ động mà có tác động tích cực trở lại tồn tại xã hội, đó là sự thể hiện:**
- A. **Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội.**
 - B. Tính hướng định của ý thức xã hội.
 - C. Tính vượt trước của ý thức xã hội.
 - D. Tính kế thừa của ý thức xã hội.
- 3.3.8. **“Xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”. Đảng ta đã vận dụng quy luật:**
- A. Mối liên hệ biện chứng giữa kiến trúc thượng tầng và cơ sở hạ tầng
 - B. **Sự phù hợp của quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất**
 - C. Sự phù hợp của phương thức sản xuất với tính chất và trình độ của quan hệ sản xuất.
 - D. Mối liên hệ biện chứng giữa kiến trúc thượng tầng và phương thức sản xuất
- 3.3.9. **Đặc trưng chủ yếu của ý thức tôn giáo?**
- A. Sự phản kháng đối với bất công xã hội.
 - B. **Niềm tin vào sự tồn tại của các đẳng siêu nhiên.**
 - C. Khát vọng được giải thoát.
 - D. Phản ánh không đúng hiện thực khách quan
- 3.3.10. **Cuộc cách mạng vô sản, về cơ bản khác các cuộc cách mạng trước đó trong lịch sử là ở chỗ:**
- A. Thủ tiêu sự thống trị của giai cấp thống trị phản động
 - B. Thủ tiêu sở hữu tư nhân nói chung
 - C. **Thủ tiêu chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất**
 - D. Thủ tiêu nhà nước tư sản
- 3.3.11. **Trong lịch sử loài người, xã hội nào sau đây không có giai cấp, không có nhà nước?**
- A. **Xã hội cộng sản nguyên thủy**
 - B. Xã hội phong kiến
 - C. Xã hội chiếm hữu nô lệ
 - D. Xã hội tư bản

- 3.3.12. **Quan hệ nào sau đây giữ vai trò chi phối trong các quan hệ thuộc lĩnh vực xã hội:**

- A. Quan hệ gia đình.
 - B. Quan hệ giai cấp.**
 - C. Quan hệ dân tộc.
 - D. Quan hệ tôn giáo
- 3.3.13. **Bản chất Nhà nước thực chất là:**
- A. chỉ gắn với những giai đoạn phát triển lịch sử nhất định của sản xuất.
 - B. phát triển của xã hội có giai cấp.**
 - C. giai cấp không thể điều hoà được.
 - D. một bộ máy của một giai cấp này dùng để trấn áp một giai cấp khác.**
- 3.3.14. **Trong các hình thức đấu tranh giai cấp của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, hình thức nào là cơ bản nhất?**
- A. Kinh tế.**
 - B. Chính trị.
 - C. Văn hoá tư tưởng.
 - D. Quân sự.
- 3.3.15. **Nguồn gốc kinh tế của sự vận động và phát triển của hình thái kinh tế- xã hội?**
- A. Sự tăng lên không ngừng của năng xuất lao động
 - B. Mâu thuẫn giai cấp trong xã hội có giai cấp**
 - C. Ý muốn của các vĩ nhân, lãnh tụ
 - D. Mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất.**
- 3.3.16. **Hạt nhân cơ bản của quần chúng nhân dân là:**
- A. Các giai cấp, tầng lớp thúc đẩy sự tiến bộ xã hội.
 - B. Những người lao động sản xuất ra của cải vật chất**
 - C. Những người chống lại giai cấp thống trị phản động
 - D. Những người nghèo khổ
- 3.3.17. **Chọn phát biểu đúng về đấu tranh giai cấp:**
- A. Đấu tranh giai cấp là động lực phát triển của xã hội
 - B. Đấu tranh giai cấp là một trong những động lực phát triển của xã hội
 - C. Đấu tranh giai cấp là một trong những động lực phát triển của xã hội có giai cấp
 - D. Đấu tranh giai cấp là nguyên nhân của sự kim hãm xã hội có giai cấp**
- 3.3.18. **Hệ tư tưởng được biểu hiện cụ thể là:**
- A. Tình cảm, tâm trạng
 - B. Học thuyết Mác-Lênin
 - C. Thói quen, thái độ
 - D. Ước muốn, động cơ chính trị**
- 3.3.19. **Cuộc cách mạng vô sản, về cơ bản khác các cuộc cách mạng trước đó trong lịch sử**
- A. Thủ tiêu sự thống trị của giai cấp thống trị phản động
 - B. Thủ tiêu sở hữu tư nhân nội chung
 - C. Thủ tiêu chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất**
 - D. Thủ tiêu nhà nước tư sản
- 3.3.20. **Quốc gia nào sau đây trong lịch sử đã từng phát triển bỏ qua một vài hình thái kinh tế- xã hội?**
- A. Nga và Ucraina
 - B. Hoa Kỳ, Ôt-xtrâyli-a và Việt Nam**
 - C. Việt Nam và Nga
 - D. Đức và Italia
- 3.3.21. **Ý nghĩa của phạm trù hình thái kinh tế – xã hội?**
- A. Đem lại sự hiểu biết toàn diện về mọi xã hội trong lịch sử.
 - B. Đem lại sự hiểu biết đầy đủ về một xã hội cụ thể.
 - C. Đem lại những nguyên tắc phương pháp luận xuất phát để nghiên cứu xã hội.**
 - D. Đem lại một phương pháp tiếp cận xã hội mới.

3.3.22. Sự ra đời của giai cấp trong lịch sử có ý nghĩa:

- A. Là một sai lầm của lịch sử.
- B. Là bước thụt lùi của lịch sử.
- C. **Là một bước tiến của lịch sử**
- D. Là động lực của lịch sử

----- HẾT -----

CHƯƠNG I + II. CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG

Câu 1.1: Định nghĩa của Lênin về vật chất được nêu trong tác phẩm nào?

- a. Biện chứng của tự nhiên
- b. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán**
- c. Bút ký triết học
- d. Nhà nước và cách mạng

Câu 1.2: Đây là quan niệm về vật chất của triết học Mác - Lênin?

- a. Đồng nhất vật chất nói chung với một dạng cụ thể của vật chất
- b. Không đồng nhất vật chất nói chung với dạng cụ thể của vật chất**
- c. Coi có vật chất chung tồn tại tách rời các dạng cụ thể của vật chất
- d. Phạm trù triết học

Câu 1.3: Định nghĩa về vật chất của Lênin bao quát đặc tính quan trọng nhất của mọi dạng vật chất để phân biệt với ý thức, đó là đặc tính gì?

- a. Thực tại khách quan độc lập với ý thức của con người**
- b. Vận động và biến đổi
- c. Có khối lượng và quảng tính
- d. Không gian và quảng tính

Câu 1.4: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, vật chất với tư cách là phạm trù triết học có đặc tính gì?

- a. Vô hạn, vô tận, vĩnh viễn tồn tại, độc lập với ý thức**
- b. Có giới hạn, có sinh ra và có mất đi
- c. Vô hạn, vô tận, vĩnh viễn tồn tại
- d. Tồn tại vô thủy, vô chung

Câu 1.5: Đây là quan niệm về vật chất của chủ nghĩa duy vật biện chứng?

- a. Vật chất là cái gây nên cảm giác cho chúng ta**
- b. Cái gì không gây nên cảm giác ở chúng ta thì không phải là vật chất
- c. Cái không cảm giác được thì không phải là vật chất
- d. Vật chất là sự phức hợp của cảm giác**

Câu 1.6: Quan điểm sau đây thuộc phái triết học nào: Cái gì cảm giác được là vật chất?

- a. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- b. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- c. Chủ nghĩa duy tâm khách quan
- d. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan**

Câu 1.7: Khi nói vật chất là cái được cảm giác của chúng ta chép lại, phản ánh lại, về mặt nhận thức luận Lênin muốn khẳng định điều gì?

- a. Cảm giác, ý thức của chúng ta có khả năng phản ánh đúng thế giới khách quan**

- b. Cảm giác, ý thức của chúng ta không thể phản ánh đúng thể giới vật chất
- c. Cảm giác, ý thức phụ thuộc thụ động vào thể giới vật chất
- d. Cảm giác, ý thức là sự phản ánh vào thể giới vật chất

Câu 1.8: Đâu là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất?

- a. Vật chất là vật thể
- b. Vật chất là thực tại khách quan**
- c. Vật chất là nước
- d. Vật chất là một dạng của lửa

Câu 1.9: Quan điểm triết học nào tách rời vật chất với vận động?

- a. Chủ nghĩa duy tâm**
- b. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- d. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan

Câu 1.10: Trường phái triết học nào quan niệm vận động bao gồm mọi sự biến đổi của vật chất, là phương thức tồn tại của vật chất?

- a. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- b. Chủ nghĩa duy vật biện chứng**
- c. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan
- d. Chủ nghĩa duy tâm khách quan

Câu 1.11: Nếu cho rằng có vật chất không vận động và có vận động thuần túy ngoài vật chất sẽ rơi vào lập trường triết học nào?

- a. Chủ nghĩa duy vật chất phác
- b. Chủ nghĩa duy vật siêu hình**
- c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- d. Chủ nghĩa duy vật nhân bản

Câu 1.12: Trường phái triết học nào quan niệm không thể có vật chất không vận động và không thể có vận động ngoài vật chất?

- a. Chủ nghĩa duy vật chất phác
- b. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng**
- d. Chủ nghĩa duy tâm

Câu 1.13: Đâu là quan niệm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vận động?

- a. Có vật chất không vận động
- b. Có vận động thuần túy ngoài vật chất
- c. Không có vận động thuần túy ngoài vật chất**
- d. Có vật chất vừa vận động vừa không vận động

Câu 1.14: Đâu là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vận động?

- a. Vận động là sự tự thân vận động của vật chất, không được sáng tạo ra và không mất đi**
- b. Vận động là sự đẩy và hút của vật thể
- c. Vận động được sáng tạo ra và có thể mất đi
- d. Vận động là do ý niệm tuyệt đối

Câu 1.15: Ăngghen đã chia vận động làm mấy hình thức cơ bản?

- a. 4 hình thức
- b. 3 hình thức
- c. 5 hình thức
- d. 6 hình thức

Câu 1.16: Theo cách phân chia các hình thức vận động của Ăngghen, hình thức nào là thấp nhất?

- a. Cơ học
- b. Vật lý
- c. Hoá học
- d. Xã hội

Câu 1.17: Theo cách phân chia các hình thức vận động của Ăngghen, hình thức nào là cao nhất và phức tạp nhất?

- a. Sinh học
- b. Hoá học
- c. Vận động xã hội
- d. Cơ học

Câu 1.18: Trường phái triết học nào quan niệm vận động và đứng im không tách rời nhau?

- a. Chủ nghĩa duy vật chất phác
- b. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- c. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- d. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan

Câu 1.19: Trường phái triết học nào quan niệm vận động là tuyệt đối, đứng im là tương đối?

- a. Chủ nghĩa duy vật chất phác
- b. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- c. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- d. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan

Câu 1.20: Đây là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng?

- a. Không gian và thời gian là hình thức tồn tại của vật chất, không tách rời vật chất
- b. Không gian và thời gian phụ thuộc vào cảm giác của con người
- c. Tồn tại không gian và thời gian thuần túy ngoài vật chất
- d. Không gian và thời gian là sự thể nghiệm của con người

Câu 1.21: Trường phái triết học nào quan niệm không gian và thời gian là do thói quen của con người quy định?

- a. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan
- c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- d. Chủ nghĩa duy tâm khách quan

Câu 1.22: Quan điểm của chủ nghĩa duy tâm về nguồn gốc của ý thức?

- a. Là sự phản ánh của hiện thực khách quan
- b. Là thuộc tính của bộ não người, do não người tiết ra
- c. Phủ nhận nguồn gốc vật chất của ý thức
- d. Là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan

Câu 1.23: Đây là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về phản ánh?

- a. Phản ánh là thuộc tính của mọi dạng vật chất là cái vốn có của mọi dạng vật chất.
- b. Phản ánh chỉ là đặc tính của một số vật thể.
- c. Phản ánh không phải là cái vốn có của thế giới vật chất, chỉ là ý thức con người tưởng tượng ra
- d. Phản ánh là hình ảnh của sự vật

Câu 1.24: Đồng nhất ý thức với phản ánh vật lý, đó là quan điểm của trường phái triết học nào?

- a. Chủ nghĩa duy tâm khách quan b. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- c. **Chủ nghĩa duy vật siêu hình** d. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan

Câu 1.25: Trường phái triết học nào đồng nhất ý thức với một dạng vật chất?

- a. Chủ nghĩa duy vật biện chứng **b. Chủ nghĩa duy vật chất phác**
- c. Chủ nghĩa duy tâm d. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan

Câu 1.26: Trường phái triết học nào quan niệm ý thức không phải là chức năng của não?

- a. **Chủ nghĩa duy vật biện chứng** b. Chủ nghĩa duy tâm khách quan
- c. Chủ nghĩa duy vật siêu hình d. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan

Câu 1.27: Trường phái triết học nào quan niệm quá trình ý thức không tách rời đồng thời không đồng nhất với quá trình sinh lý thần kinh của não người?

- a. **Chủ nghĩa duy vật biện chứng** b. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- c. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan d. Chủ nghĩa duy tâm khách quan

Câu 1.28: Đầu là quan niệm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về nguồn gốc tự nhiên của ý thức?

- a. **Ý thức tồn tại trên cơ sở quá trình sinh lý của não người**
- b. Ý thức là sự thể hiện của ý niệm
- c. Ý thức đồng nhất với quá trình sinh lý của não người.
- d. Ý thức là một dạng của nguyên tử

Câu 1.29: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng ở động vật bậc cao có thể đạt đến hình thức phản ánh nào?

- a. Phản ánh ý thức **b. Phản ánh tâm lý động vật**
- c. Tính kích thích d. Tính cảm ứng

Câu 1.30: Điều khẳng định nào sau đây là sai?

- a. Chủ nghĩa duy vật biện chứng cho rằng động vật bậc cao chưa có ý thức
- b. Chủ nghĩa duy vật biện chứng cho rằng động vật bậc cao cũng có ý thức**
- c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng cho rằng chỉ có con người mới có ý thức
- d. Chủ nghĩa duy vật đều cho ý thức là sự phản ánh hiện thực khách quan vào óc con người

Câu 1.31: Hình thức phản ánh đặc trưng của thế giới vô cơ là gì?

a. **Phản ánh vật lý, hoá học**

b. Phản ánh sinh học

c. Phản ánh ý thức

d. Phản ánh tâm lý

Câu 1.32: Hình thức phản ánh đặc trưng của thế giới thực vật và động vật chưa có hệ thần kinh là gì?

a. Phản ánh vật lý, hoá học

b. Tính kích thích

c. **Tính cảm ứng**

d. Tâm lý động vật

Câu 1.33: Hình thức phản ánh đặc trưng của động vật có hệ thần kinh là gì?

a. Tính kích thích

c. Tính cảm ứng

b. Tâm lý động vật

d. Các phản xạ

Câu 1.34: Điều là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về nguồn gốc của ý thức?

a. **Ý thức ra đời là kết quả quá trình phát triển lâu dài thuộc tính phản ánh của thế giới vật chất**

b. Ý thức ra đời là kết quả sự tác động lẫn nhau giữa các sự vật vật chất

c. Ý thức ra đời là kết quả quá trình tiến hoá của hệ thần kinh

d. Ý thức ra đời là kết quả của lực lượng siêu nhiên

Câu 1.35: Nguồn gốc xã hội của ý thức là yếu tố nào?

a. Bộ óc con người

b. Sự tác động của thế giới bên ngoài vào bộ óc con người

c. **Lao động và ngôn ngữ của con người**

d. Bộ óc con người và thế giới khách quan

Câu 1.36: Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: "Ý thức là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan".

a. **Chủ nghĩa duy vật biện chứng**

b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan

c. Chủ nghĩa duy tâm khách quan

d. Chủ nghĩa duy vật siêu hình

Câu 1.37: Yếu tố đầu tiên đảm bảo cho sự tồn tại của con người là gì?

a. Làm khoa học

c. Lao động

b. sáng tạo nghệ thuật

d. Làm chính trị

Câu 1.38: Nhân tố nào làm con người tách khỏi thế giới động vật?

a. Hoạt động sinh sản duy trì nòi giống

b. Lao động

c. Hoạt động tư duy phê phán

d. Xã hội

Câu 1.39: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, quá trình hình thành ý thức là quá trình nào?

- a. Tiếp thu sự tác động của thế giới bên ngoài
- b. Sáng tạo thuần túy trong tư duy con người
- c. Hoạt động chủ động cải tạo thế giới và phản ánh sáng tạo thế giới**
- d. Sự sáng tạo của ý niệm tuyệt đối

Câu 1.40: Để phản ánh khái quát hiện thực khách quan và trao đổi tư tưởng con người cần có cái gì?

- a. Công cụ lao động
- c. Ngôn ngữ**
- b. Cơ quan cảm giác
- d. Trí năng

Câu 1.41: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, nguồn gốc trực tiếp và quan trọng nhất quyết định sự ra đời và phát triển của ý thức là gì?

- a. Sự tác động của tự nhiên vào bộ óc con người
- b. Lao động, thực tiễn xã hội**
- c. Bộ não người và hoạt động của nó
- d. Giao lưu giữa các vùng

Câu 1.42: Quan điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: ý thức là thực thể độc lập, là thực tại duy nhất?

- a. Chủ nghĩa duy tâm**
- b. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- d. Chủ nghĩa duy vật chất phác

Câu 1.43: Đây là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về bản chất của ý thức?

- a. Ý thức là thực thể độc lập
- b. Ý thức là sự phản ánh hiện thực khách quan vào bộ óc con người
- c. Ý thức là sự phản ánh sáng tạo hiện thực khách quan vào bộ óc con người**
- d. Ý thức là năng lực của mọi dạng vật chất

Câu 1.44: Đây là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về bản chất của ý thức?

- a. Ý thức là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan**
- b. Ý thức là hình ảnh phản chiếu về thế giới khách quan
- c. Ý thức là tượng trưng của sự vật
- d. Ý thức là sự thể hiện của tinh thần tuyệt đối

Câu 1.45: Quan niệm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về tính sáng tạo của ý thức là thế nào?

- a. Ý thức tạo ra vật chất
- b. Ý thức tạo ra sự vật trong hiện thực
- c. Ý thức tạo ra hình ảnh mới về sự vật trong tư duy**
- d. Ý thức tạo ra vật thể

Câu 1.46: Theo quan niệm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, trong kết cấu của ý thức yếu tố nào là cơ bản và cốt lõi nhất?

- a. Tri thức
b. Tình cảm
c. Niềm tin
d. Ý chí

Câu 1.47: Kết cấu theo chiều dọc của ý thức gồm những yếu tố nào?

- a. Tự ý thức, tiềm thức, vô thức
b. Tri thức, niềm tin, ý chí
c. Cảm giác, khái niệm, phán đoán
d. Suy lý, tri giác, biểu tượng

Câu 1.48: Đầu là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về mối quan hệ giữa vật chất và ý thức?

- a. Ý thức do vật chất quyết định
b. Ý thức tác động đến vật chất
c. Ý thức do vật chất quyết định, nhưng có tính độc lập tương đối và tác động đến vật chất thông qua hoạt động thực tiễn
d. Ý thức do Thượng đế tạo nên

Câu 1.49: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, ý thức tác động đến đời sống hiện thực như thế nào?

- a. Ý thức tự nó có thể làm thay đổi được hiện thực
b. Ý thức tác động đến hiện thực thông qua hoạt động thực tiễn
c. Ý thức tác động đến hiện thực thông qua hoạt động lý luận
d. Ý thức tác động đến hiện thực là do lãnh tụ quy định

Câu 1.50: Hoạt động chỉ dựa theo ý muốn chủ quan không dựa vào thực tiễn là lập trường triết học nào?

- a. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
b. Chủ nghĩa duy tâm
c. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
d. Chủ nghĩa duy vật chất phác

CHƯƠNG I +II. CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG

Câu 2.1: Phép biện chứng duy vật có mấy nguyên lý cơ bản?

- a. Một nguyên lý cơ bản
b. Hai nguyên lý cơ bản
c. Ba nguyên lý cơ bản
d. Bốn nguyên lý cơ bản

Câu 2.2: Nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật là nguyên lý nào?

- a. Nguyên lý về sự tồn tại khách quan của vật chất
b. Nguyên lý về sự vận động và đứng im của các sự vật
c. Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến và về sự phát triển
d. Nguyên lý về tính liên tục và tính gián đoạn của thế giới vật chất

Câu 2.3: Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng trả lời câu hỏi sau đây như thế nào: Các sự vật trong thế giới có liên hệ với nhau không?

- a. Các sự vật hoàn toàn biệt lập nhau
- b. Các sự vật liên hệ nhau chỉ mang tính chất ngẫu nhiên
- c. Các sự vật vừa khác nhau, vừa liên hệ, ràng buộc nhau một cách khách quan và tất yếu**
- d. Các sự vật liên hệ là do tính chủ quan của con người

Câu 2.4: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy tâm chủ quan, mối liên hệ giữa các sự vật do cái gì quyết định?

- a. Do lực lượng siêu tự nhiên quyết định
- b. Do bản tính của thế giới vật chất
- c. Do cảm giác của con người quyết định**
- d. Do tự nó mà có

Câu 2.5: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy tâm khách quan, mối quan hệ giữa các sự vật do cái gì quyết định?

- a. Do lực lượng siêu nhiên quyết định**
- b. Do cảm giác, thói quen con người quyết định
- c. Do bản tính của thế giới vật chất
- d. Do tự nhiên mà có

Câu 2.6: Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về nguồn gốc mối liên hệ giữa các sự vật và hiện tượng là từ đâu?

- a. Do lực lượng siêu nhiên sinh ra
- b. Do tính thống nhất vật chất của thế giới**
- c. Do cảm giác thói quen của con người tạo ra
- d. Do tư duy con người tạo ra rồi đưa vào tự nhiên và xã hội

Câu 2.7: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, mối liên hệ giữa các sự vật có tính chất gì?

- a. Tính ngẫu nhiên, chủ quan
- b. Tính khách quan, tính phổ biến, tính đa dạng**
- c. Tính khách quan, nhưng không có tính phổ biến và đa dạng
- d. Do Thượng đế tạo nên

Câu 2.8: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, một sự vật trong quá trình tồn tại và phát triển có một hay nhiều mối liên hệ?

- a. Có một mối liên hệ
- b. Có một số hữu hạn mối liên hệ
- c. Có vô vàn các mối liên hệ**
- d. Không có mối liên hệ nào

Câu 2.9: Theo quan niệm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, các mối liên hệ có vai trò như thế nào đối với sự tồn tại và phát triển của sự vật?

- a. Có vai trò ngang bằng nhau

- b. Có vai trò khác nhau, nên chỉ cần biết một số mối liên hệ
- c. Có vai trò khác nhau, cần phải xem xét mọi mối liên hệ**
- d. Không có vai trò gì cả

Câu 2.10: Quan điểm nào cho rằng thế giới vô cơ, thế giới sinh vật và xã hội loài người là 3 lĩnh vực hoàn toàn khác biệt nhau, không quan hệ gì với nhau?

- a. Quan điểm siêu hình**
- b. Quan điểm biện chứng duy vật
- c. Quan điểm duy tâm biện chứng
- d. Quan điểm duy tâm chủ quan

Câu 2.11: Quan điểm nào cho rằng mối liên hệ giữa các sự vật, hiện tượng trong thế giới là biểu hiện của mối liên hệ giữa các ý niệm?

- a. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- b. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- c. Chủ nghĩa duy tâm khách quan**
- d. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan

Câu 2.12: Đòi hỏi của quan điểm “toàn diện” như thế nào?

- a. Chỉ xem xét một mối liên hệ
- b. Phải xem xét tất cả các mối liên hệ của sự vật
- c. Phải xem xét tất cả các mối liên hệ đồng thời phân loại được vị trí, vai trò của các mối liên hệ**
- d. Xem xét một phần mối liên hệ

Câu 2.13: Cơ sở lý luận của quan điểm “toàn diện” là nguyên lý nào?

- a. Nguyên lý về sự phát triển
- b. Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến**
- c. Nguyên lý về sự tồn tại khách quan của thế giới vật chất
- d. Nguyên lý về lý luận và thực tiễn

Câu 2.14: Hãy cho biết quan điểm duy tâm về sự phát triển?

- a. Xem xét sự phát triển chỉ là sự tăng, hay giảm đơn thuần về lượng
- b. Xem sự phát triển bao hàm cả sự thay đổi dần về lượng và sự nhảy vọt về chất
- c. Xem sự phát triển đi lên bao hàm cả sự thụt lùi tạm thời
- d. Xem sự phát triển là do ý niệm tạo thành**

Câu 2.15: Trong các quan điểm sau đây, đâu là quan điểm siêu hình về sự phát triển?

- a. Chất của sự vật không thay đổi gì trong quá trình tồn tại và phát triển của chúng**
- b. Phát triển là sự chuyển hoá từ những thay đổi về lượng thành sự thay đổi về chất
- c. Phát triển bao hàm sự nảy sinh chất mới và sự phá vỡ chất cũ
- d. Phát triển là sự phủ định của phủ định

Câu 2.16: Luận điểm sau đây về sự phát triển thuộc lập trường triết học nào: "Phát triển diễn ra theo con đường tròn khép kín, là sự lặp lại đơn thuần cái cũ"?

- | | |
|---------------------------------|-------------------------------|
| a. Quan điểm biện chứng duy vật | b. Quan điểm siêu hình |
| c. Quan điểm biện chứng duy tâm | d. Quan điểm duy tâm chủ quan |

Câu 2.17: Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: "Phát triển chỉ là sự thay đổi về lượng, không có sự thay đổi về chất"?

- | | |
|---------------------------------|---------------------------------------|
| a. Triết học duy vật biện chứng | b. Triết học duy vật siêu hình |
| c. Triết học biện chứng duy tâm | d. Triết học duy tâm khách quan |

Câu 2.18: Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: "Phát triển là quá trình chuyển hoá từ những thay đổi về lượng thành sự thay đổi về chất và ngược lại"?

- | | |
|---------------------------------------|------------------------|
| a. Quan điểm biện chứng | b. Quan điểm siêu hình |
| c. Quan điểm chiết trung và nguy hiểm | d. Quan điểm duy tâm |

Câu 2.19: Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: "Phát triển là quá trình vận động tiến lên theo con đường xoáy ốc"?

- | | |
|--------------------------------|---------------------------------------|
| a. Quan điểm siêu hình | b. Quan điểm chiết trung và nguy hiểm |
| c. Quan điểm biện chứng | d. Quan điểm duy tâm chủ quan |

Câu 2.20: Luận điểm sau đây về nguồn gốc của sự phát triển thuộc lập trường triết học nào: "Phát triển là do sự sắp đặt của Thượng đế"?

- | | |
|--------------------------------|---------------------------------|
| a. Chủ nghĩa duy tâm | b. Chủ nghĩa duy vật siêu hình |
| c. Chủ nghĩa duy vật chất phác | d. Chủ nghĩa duy vật biện chứng |

Câu 2.21: Luận điểm sau đây về nguồn gốc của sự phát triển thuộc lập trường triết học nào: "phát triển trong hiện thực là tồn tại khác, là biểu hiện của sự phát triển của ý niệm tuyệt đối"?

- | | |
|---------------------------------|--|
| a. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan | b. Chủ nghĩa duy tâm khách quan |
| c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng | d. Chủ nghĩa duy vật siêu hình |

Câu 2.22: Luận điểm sau đây về nguồn gốc sự phát triển thuộc lập trường triết học nào: "Phát triển của các sự vật là do cảm giác, ý thức con người quyết định"?

- | | |
|--------------------------------------|---------------------------------|
| a. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan | b. Chủ nghĩa duy tâm khách quan |
| c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng | d. Chủ nghĩa duy vật siêu hình |

Câu 2.23: Luận điểm sau đây về nguồn gốc của sự phát triển thuộc lập trường triết học nào: "Mẫu thuẫn tồn tại khách quan trong chính sự vật, quy định sự phát triển của sự vật"?

- | | |
|--|---------------------------------|
| a. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan | b. Chủ nghĩa duy tâm khách quan |
| c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng | d. Chủ nghĩa duy vật siêu hình |

Câu 2.24: Trong các luận điểm sau đây, đâu là luận điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng?

- | |
|--|
| a. Phát triển của các sự vật là biểu hiện của sự vận động của ý niệm tuyệt đối |
|--|

b. Phát triển của các sự vật do cảm giác, ý thức con người quyết định

c. Phát triển của các sự vật do sự tác động lẫn nhau của các mặt đối lập của bản thân sự vật quyết định

d. Phát triển là do ý chí của những cá nhân

Câu 2.25: Trong những luận điểm sau, đâu là định nghĩa về sự phát triển theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng?

a. Phát triển là phạm trù chỉ sự vận động của các sự vật

b. Phát triển là phạm trù chỉ sự liên hệ giữa các sự vật

c. Phát triển là phạm trù chỉ quá trình vận động tiến lên từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn của các sự vật

d. Phát triển là sự vận động của ý niệm

Câu 2.26: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là đúng?

a. Phát triển là xu hướng chung của sự vận động của thế giới vật chất

b. Phát triển là xu hướng chung nhưng không bản chất của sự vận động của sự vật

c. Phát triển là xu hướng cá biệt của sự vận động của các sự vật

d. Phát triển là sự vận động của ý niệm

Câu 2.27: Chọn câu đúng nhất theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, những tính chất của sự phát triển là?

a. Tính chất đa dạng, phong phú

b. Tính phổ biến, phong phú

c. Tính chất đa dạng, phong phú, tính phổ biến

d. Tính khách quan, tính phổ biến, tính chất đa dạng, phong phú

Câu 2.28: Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: "Sự phát triển trong tự nhiên, xã hội và tư duy là hoàn toàn đồng nhất với nhau"?

a. Quan điểm siêu hình

b. Quan điểm biện chứng duy vật

c. Quan điểm biện chứng duy tâm

d. Quan điểm duy vật chất phác

Câu 2.29: Luận điểm sau đây thuộc quan điểm triết học nào: "Quá trình phát triển của mỗi sự vật là hoàn toàn khác biệt nhau, không có điểm chung nào"?

a. Quan điểm siêu hình

b. Quan điểm biện chứng duy vật

c. Quan điểm biện chứng duy tâm

d. Quan điểm duy vật chất phác

Câu 2.30: Luận điểm sau đây thuộc quan điểm triết học nào: Quá trình phát triển của các sự vật vừa khác nhau, vừa có sự thống nhất với nhau?

a. Quan điểm biện chứng

b. Quan điểm siêu hình

- c. Quan điểm chiết trung và nguy hiểm d. Quan điểm duy tâm

Câu 2.31: Trong nhận thức cần quán triệt quan điểm “phát triển”. Điều đó dựa trên cơ sở lý luận của nguyên lý nào?

- a. Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến
b. Nguyên lý về sự phát triển
 c. Nguyên lý về tính thống nhất vật chất của thế giới
 d. Nguyên lý về vận động và đứng im

Câu 2.32: Trong nhận thức sự vật, nếu chỉ xem xét ở một trạng thái tồn tại của nó thì thuộc vào lập trường triết học nào?

- a. Quan điểm siêu hình phiến diện b. Quan điểm chiết trung
 c. Quan điểm biện chứng duy vật d. Quan điểm duy vật chất phác

Câu 2.33: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là sai?

- a. Lượng là tính quy định vốn có của sự vật
 b. Lượng nói lên quy mô, trình độ phát triển của sự vật
c. Lượng phụ thuộc vào ý chí của con người
 d. Lượng tồn tại khách quan gắn liền với sự vật

Câu 2.34: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là sai?

- a. Chất và lượng của sự vật đều tồn tại khách quan
 b. Không có chất lượng thuần túy tồn tại bên ngoài sự vật
c. Sự phân biệt giữa chất và lượng phụ thuộc vào ý chí của con người
 d. Sự phân biệt giữa chất và lượng của sự vật có tính chất tương đối

Câu 2.35: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là sai?

- a. Sự vật nào cũng là sự thống nhất giữa mặt chất và lượng
 b. Tính quy định về chất nào của sự vật cũng có tính quy định về lượng tương ứng
c. Tính quy định về chất không có tính ổn định
 d. Tính quy định về lượng nói lên mặt thường xuyên biến đổi của sự vật

Câu 2.36: Khi nước chuyển từ trạng thái lỏng sang trạng thái khí tại 100°C được gọi là gì trong quy luật lượng - chất?

- a. Độ c. Thay đổi
b. Bước nhảy d. Tiệm tiến

Câu 2.37: Tính quy định nói lên sự vật trong một mối quan hệ nhất định đó được gọi là gì?

- a. Chất c. Độ
 b. Lượng d. Bước nhảy

Câu 2.38: Tính quy định nói lên quy mô trình độ phát triển của sự vật được gọi là gì?

- a. Chất
- b. Lượng
- c. Độ
- d. Điểm nút

Câu 2.39: Theo nghĩa đen câu ca dao sau:

“Một cây làm chẳng nên non

Ba cây chụm lại nên hòn núi cao”

Thể hiện nội dung quy luật nào của phép biện chứng duy vật:

- a. Quy luật mâu thuẫn
- b. Quy luật phủ định của phủ định
- c. Quy luật lượng - chất
- d. Quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính

Câu 2.40: Trong hoạt động thực tiễn sai lầm của sự chủ quan, nóng vội là do không tôn trọng quy luật nào?

- a. Quy luật mâu thuẫn
- b. Quy luật phủ định của phủ định
- c. Quy luật lượng - chất
- d. Quy luật nhân - quả

Câu 2.41: Trong hoạt động thực tiễn sai lầm của trì trệ bảo thủ là do không tôn trọng quy luật nào của phép biện chứng duy vật?

- a. Quy luật lượng - chất
- b. Quy luật phủ định của phủ định
- c. Quy luật mâu thuẫn
- d. Quy luật tất nhiên – ngẫu nhiên

Câu 2.42: Trong lý luận về mâu thuẫn, người ta gọi hai cực dương và âm của thanh nam châm là gì?

- a. Hai mặt
- b. Hai thuộc tính
- c. Hai mặt đối lập
- d. Hai yếu tố

Câu 2.43: Trong lý luận về mâu thuẫn, người ta gọi quá trình đồng hoá và dị hoá trong cơ thể sống là gì?

- a. Những thuộc tính
- b. Những sự vật
- c. Hai yếu tố
- d. Hai mặt đối lập

Câu 2.44: Trong quy luật mâu thuẫn, tính quy định về chất và tính quy định về lượng được gọi là gì?

- a. Hai sự vật
- b. Hai quá trình
- c. Hai thuộc tính
- d. Hai mặt đối lập

Câu 2.45: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là sai?

- a. Mặt đối lập là những mặt có đặc điểm trái ngược nhau
- b. Mặt đối lập tồn tại khách quan trong các sự vật

c. Mặt đối lập không nhất thiết phải gắn liền với sự vật

d. Mặt đối lập là vốn có của các sự vật, hiện tượng

Câu 2.46: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng các mặt đối lập do đâu mà có?

a. Do ý thức cảm giác của con người tạo ra.

b. Do ý niệm tuyệt đối sinh ra

c. Vốn có của thể giới vật chất, không do ai sinh ra

d. Do con người quyết định

Câu 2.47: Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: "Sự thống nhất của các mặt đối lập loại trừ sự đấu tranh của các mặt đối lập"?

a. Chủ nghĩa duy vật siêu hình

b. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

c. Chủ nghĩa duy tâm biện chứng

d. Chủ nghĩa duy vật cổ đại

Câu 2.48: Lập trường triết học nào cho rằng mâu thuẫn tồn tại là do tư duy, ý thức của con người quyết định?

a. Chủ nghĩa duy vật siêu hình

b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan

c. Chủ nghĩa duy tâm khách quan

d. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

Câu 2.49: Quan điểm triết học nào cho rằng mâu thuẫn và quy luật mâu thuẫn là sự vận động của ý niệm tuyệt đối?

a. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan

b. Chủ nghĩa duy tâm khách quan.

c. Chủ nghĩa duy vật siêu hình

d. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

Câu 2.50: Quan điểm nào sau đây là của Chủ nghĩa duy vật biện chứng?

a. Mâu thuẫn tồn tại khách quan trong mọi sự vật, hiện tượng, quá trình của tự nhiên, xã hội và tư duy

b. Mâu thuẫn chỉ tồn tại trong tư duy

c. Mâu thuẫn chỉ tồn tại trong một số hiện tượng

d. Mâu thuẫn tồn tại trong ý niệm

Câu 2.51: Trong mâu thuẫn biện chứng, các mặt đối lập quan hệ với nhau như thế nào?

a. Chỉ thống nhất với nhau

b. Chỉ có mặt đấu tranh với nhau

c. Vừa thống nhất vừa đấu tranh với nhau

d. Không thống nhất không đấu tranh

Câu 2.52: Mâu thuẫn quy định bản chất của sự vật, thay đổi cùng với sự thay đổi căn bản về chất của sự vật, được gọi là mâu thuẫn gì?

a. Mâu thuẫn chủ yếu

b. Mâu thuẫn bên trong

c. Mâu thuẫn cơ bản

d. Mâu thuẫn đối kháng

Câu 2.53: Mâu thuẫn nổi lên hàng đầu ở một giai đoạn phát triển nhất định của sự vật, chi phối các mâu thuẫn khác trong giai đoạn đó được gọi là mâu thuẫn gì?

- a. Mâu thuẫn cơ bản
- c. Mâu thuẫn thứ yếu
- b. Mâu thuẫn chủ yếu**
- d. Mâu thuẫn đối kháng

Câu 2.54: Mâu thuẫn đối kháng tồn tại ở đâu?

- a. Trong cả tự nhiên, xã hội và tư duy
- b. Trong mọi xã hội
- c. Trong xã hội có giai cấp đối kháng**
- d. Tồn tại trong ý niệm

Câu 2.55: Trong quy luật phủ định của phủ định, sự thay thế sự vật này bằng sự vật khác (ví dụ: nụ thành hoa, hoa thành quả v.v.) được gọi là gì?

- a. Mâu thuẫn
- c. Tồn tại
- b. Phủ định**
- d. Vận động

Câu 2.56: Sự tự thay thế sự vật này bằng sự vật khác không phụ thuộc vào ý thức con người trong phép biện chứng duy vật được gọi là gì?

- a. Vận động
- c. Phủ định biện chứng**
- b. Phủ định
- d. Phủ định của phủ định

Câu 2.57: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là sai?

- a. Phủ định biện chứng xoá bỏ cái cũ hoàn toàn**
- b. Phủ định biện chứng không đơn giản là xoá bỏ cái cũ
- c. Phủ định biện chứng loại bỏ những yếu tố không thích hợp của cái cũ
- d. Phủ định biện chứng giữ lại và cải biến những yếu tố còn thích hợp của cái cũ

Câu 2.58: Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: "Cái mới ra đời trên cơ sở phá hủy hoàn toàn cái cũ"?

- a. Quan điểm siêu hình**
- b. Quan điểm biện chứng duy vật
- c. Quan điểm biện chứng duy tâm
- d. Quan điểm trung dung

Câu 2.59: Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: "Cái mới ra đời trên cơ sở giữ nguyên cái cũ"?

- a. Quan điểm biện chứng duy vật
- b. Quan điểm biện chứng duy tâm
- c. Quan điểm siêu hình, phản biện chứng**
- d. Quan điểm duy biện

Câu 2.60: Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: "Triết học Mác ra đời trên cơ sở phủ định hoàn toàn các hệ thống triết học trong lịch sử"?

- a. Quan điểm duy tâm siêu hình**
- b. Quan điểm biện chứng duy vật
- c. Quan điểm biện chứng duy tâm
- d. Quan điểm duy tâm chủ quan

Câu 2.61: Sự tự phủ định để đưa sự vật đường như quay lại điểm xuất phát ban đầu trong phép biện chứng được gọi là gì?

- | | |
|------------------------|---------------------------------|
| a. Phủ định biện chứng | b. Phủ định của phủ định |
| c. Chuyển hoá | d. Phủ định siêu hình |

Câu 2.62: Con đường phát triển của sự vật mà quy luật phủ định của phủ định vạch ra là con đường nào?

- | | |
|--------------------------------|------------------------|
| a. Đường thẳng đi lên | b. Đường tròn khép kín |
| c. Đường xoáy ốc đi lên | d. Đường hình sin |

Câu 2.63: Trường phái triết học nào cho rằng nhận thức là sự kết hợp các cảm giác của con người?

- | | |
|--------------------------------------|---------------------------------|
| a. Chủ nghĩa duy tâm khách quan | c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng |
| b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan | d. Chủ nghĩa duy vật siêu hình |

Câu 2.64: Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: "Chúng ta chỉ nhận thức được các cảm giác của chúng ta thôi"?

- | | |
|---------------------------------|--------------------------------------|
| a. Chủ nghĩa duy tâm khách quan | b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan |
| c. Chủ nghĩa duy vật siêu hình | d. Chủ nghĩa duy vật biện chứng |

Câu 2.65: Trường phái triết học nào cho rằng nhận thức là "sự hồi tưởng" của linh hồn về thế giới ý niệm?

- | | |
|--------------------------------|--|
| a. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan | b. Chủ nghĩa duy tâm khách quan |
| c. Chủ nghĩa duy vật siêu hình | d. Chủ nghĩa duy vật biện chứng |

Câu 2.66: Trường phái triết học nào cho rằng nhận thức là sự tự ý thức về mình của ý niệm tuyệt đối?

- | | |
|--|--------------------------------|
| a. Chủ nghĩa duy vật biện chứng | b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan |
| c. Chủ nghĩa duy tâm khách quan | d. Chủ nghĩa duy vật siêu hình |

Câu 2.67: Trường phái triết học nào cho rằng thực tiễn là cơ sở chủ yếu và trực tiếp nhất của nhận thức?

- | | |
|--|--------------------------------|
| a. Chủ nghĩa duy tâm khách quan | b. Chủ nghĩa duy vật siêu hình |
| c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng | d. Chủ nghĩa duy vật chất phác |

Câu 2.68: Thêm cụm từ thích hợp vào chỗ trống của câu sau để có được định nghĩa về phạm trù thực tiễn: "Thực tiễn là toàn bộ những của con người nhằm cải tạo tự nhiên và xã hội"?

- | | |
|--------------------------|--|
| a. Hoạt động | |
| b. Hoạt động vật chất | |
| c. Hoạt động có mục đích | d. Hoạt động vật chất có mục đích, mang tính lịch sử - xã hội |

Câu 2.69: Chủ nghĩa duy vật biện chứng cho rằng tiêu chuẩn của chân lý là gì?

- | | |
|-------------------------------|---|
| a. Được nhiều người thừa nhận | b. Đảm bảo không mâu thuẫn trong suy luận |
| c. Thực tiễn | d. Tri giác |

Câu 2.70: Giai đoạn nhận thức diễn ra trên cơ sở sự tác động trực tiếp của các sự vật lên các giác quan của con người là?

- | | |
|----------------------|------------------------------|
| a. Nhận thức lý tính | c. Nhận thức khoa học |
| b. Nhận thức lý luận | d. Nhận thức cảm tính |

Câu 2.71: Nhận thức cảm tính được thực hiện dưới các hình thức nào?

- | | |
|--|----------------------------------|
| a. Khái niệm, phán đoán, suy lý | b. Cảm giác, tri giác, khái niệm |
| c. Cảm giác, tri giác, biểu tượng | d. Phán đoán, suy lý, cảm giác |

Câu 2.72: Sự phản ánh trừu tượng, khái quát những đặc điểm chung, bản chất của các sự vật được gọi là giai đoạn nhận thức nào?

- | | |
|--------------------------|-----------------------------|
| a. Nhận thức cảm tính | b. Nhận thức lý tính |
| c. Nhận thức kinh nghiệm | d. Nhận thức khoa học |

Câu 2.73: Nhận thức lý tính được thực hiện dưới hình thức nào?

- | | |
|------------------------------------|--|
| a. Cảm giác, tri giác, biểu tượng | b. Khái niệm, phán đoán, suy lý |
| c. Tri giác, biểu tượng, khái niệm | d. Khái niệm, cảm giác, biểu tượng |

Câu 2.74: Khái niệm là hình thức nhận thức của giai đoạn nào?

- | | |
|--------------------------|-----------------------------|
| a. Nhận thức cảm tính | b. Nhận thức lý tính |
| c. Nhận thức kinh nghiệm | d. Nhận thức khoa học |

Câu 2.75: Giai đoạn nhận thức nào gắn với thực tiễn?

- | | |
|-----------------------------|--------------------------|
| a. Nhận thức lý luận | b. Nhận thức cảm tính |
| c. Nhận thức lý tính | d. Nhận thức siêu nghiệm |

CHƯƠNG III. CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ

Câu 3.1: Yếu tố nào giữ vai trò quyết định trong tồn tại xã hội?

- | | |
|------------------------|---------------------|
| a. Môi trường tự nhiên | b. Điều kiện dân số |
|------------------------|---------------------|

- c. **Phương thức sản xuất** d. Lực lượng sản xuất

Câu 3.2: Tư liệu sản xuất bao gồm?

- a. Con người và công cụ lao động
b. Con người lao động, công cụ lao động và đối tượng lao động
c. **Đối tượng lao động và tư liệu lao động**
d. Công cụ lao động và tư liệu lao động

Câu 3.3: Tính chất của lực lượng sản xuất là:

- a. Tính chất hiện đại và tính chất cá nhân
b. **Tính chất cá nhân và tính chất xã hội hoá**
c. Tính chất xã hội hoá và tính chất hiện đại
d. Tính chất xã hội và tính chất hiện đại

Câu 3.4: Tiêu chuẩn khách quan để phân biệt các chế độ xã hội trong lịch sử?

- a. Quan hệ sản xuất đặc trưng b. Chính trị tư tưởng
c. **Lực lượng sản xuất** d. Phương thức sản xuất

Câu 3.5: Yếu tố cách mạng nhất trong lực lượng sản xuất?

- a. Người lao động b. **Công cụ lao động**
c. Phương tiện lao động d. Tư liệu lao động

Câu 3.6: Trong quan hệ sản xuất, quan hệ nào giữ vai trò quyết định?

- a. **Quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất**
b. Quan hệ tổ chức, quản lý quá trình sản xuất
c. Quan hệ phân phối sản phẩm.
d. Quan hệ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất

Câu 3.7: Thời đại đồ đồng tương ứng với hình thái kinh tế - xã hội nào?

- a. Hình thái kinh tế - xã hội cộng sản nguyên thủy
b. Hình thái kinh tế - xã hội phong kiến
c. **Hình thái kinh tế - xã hội chiếm hữu nô lệ**
d. Hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa

Câu 3.8: Bản chất của con người được quyết định bởi:

- a. **Các mối quan hệ xã hội** b. Nỗ lực của mỗi cá nhân
c. Giáo dục của gia đình và nhà trường d. Hoàn cảnh xã hội

Câu 3.9: Nền tảng vật chất của toàn bộ lịch sử nhân loại là?

- a. **Lực lượng sản xuất** b. Quan hệ sản xuất
c. Của cải vật chất d. Phương thức sản xuất

Câu 3.10: Hoạt động tự giác trên quy mô toàn xã hội là đặc trưng cơ bản của nhân tố chủ quan trong xã hội?

- a. Cộng sản nguyên thủy b. Tư bản chủ nghĩa
c. **Xã hội chủ nghĩa** d. Phong kiến

Câu 3.11: Khuynh hướng của sản xuất là không ngừng biến đổi phát triển. Sự biến đổi đó bao giờ cũng bắt đầu từ?

- a. Sự biến đổi, phát triển của cách thức sản xuất
- b. Sự biến đổi, phát triển của lực lượng sản xuất**
- c. Sự biến đổi, phát triển của kỹ thuật sản xuất
- d. Sự phát triển của khoa học kỹ thuật

Câu 3.12: Quy luật xã hội nào giữ vai trò quyết định đối với sự vận động, phát triển của xã hội?

- a. Quy luật về sự phù hợp của QHSX với tính chất và trình độ phát triển của LLSX**
- b. Quy luật tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội
- c. Quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa CSHT và kiến trúc thượng tầng
- d. Quy luật về giai cấp và đấu tranh giai cấp

Câu 3.13: Trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, chúng ta cần phải tiến hành?

- a. Phát triển lực lượng sản xuất đạt trình độ tiên tiến để tạo cơ sở cho việc xây dựng quan hệ sản xuất mới.
- b. Chủ động xây dựng quan hệ sản xuất mới để tạo cơ sở thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển
- c. Kết hợp đồng thời phát triển lực lượng sản xuất với từng bước xây dựng quan hệ sản xuất mới phù hợp**
- d. Củng cố xây dựng kiến trúc thượng tầng mới cho phù hợp với cơ sở hạ tầng

Câu 3.14: Thực chất của quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng?

- a. Quan hệ giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần của xã hội
- b. Quan hệ giữa kinh tế và chính trị**
- c. Quan hệ giữa vật chất và tinh thần
- d. Quan hệ giữa tồn tại xã hội với ý thức xã hội

Câu 3.15: Mác viết: “Tôi coi sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên” theo nghĩa?

- a. Sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội cũng giống như sự phát triển của tự nhiên không phụ thuộc chủ quan của con người
- b. Sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội tuân theo quy luật khách quan của xã hội
- c. Sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội ngoài tuân theo các quy luật chung còn bị chi phối bởi điều kiện lịch sử cụ thể của mỗi quốc gia dân tộc**
- d. Sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội tuân theo các quy luật chung

Câu 3.16: Chủ trương thực hiện nhất quán cơ cấu kinh tế nhiều thành phần ở nước ta hiện nay là?

- a. Sự vận dụng đúng đắn quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ của lực lượng sản xuất**

- b. Nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế thế giới
- c. Nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế
- d. Nhằm phát triển quan hệ sản xuất

Câu 3.17: Cấu trúc của một hình thái kinh tế - xã hội gồm các yếu tố cơ bản hợp thành?

- a. Lĩnh vực vật chất và lĩnh vực tinh thần
- b. Cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng
- c. Quan hệ sản xuất, lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng**
- d. Quan hệ sản xuất, cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng

Câu 3.18: Trong các hình thức đấu tranh sau của giai cấp vô sản, hình thức nào là hình thức đấu tranh cao nhất?

- a. Đấu tranh chính trị**
- b. Đấu tranh kinh tế
- c. Đấu tranh tư tưởng
- d. Đấu tranh quân sự

Câu 3.19: Ý thức xã hội không phụ thuộc vào tồn tại xã hội một cách thụ động mà có tác động tích cực trở lại tồn tại xã hội, đó là sự thể hiện:

- a. **Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội**
- b. Tính hướng định của ý thức xã hội
- c. Tính vượt trước của ý thức xã hội
- d. Tính kế thừa của ý thức xã hội

Câu 3.20: Lực lượng quyết định sự phát triển của lịch sử là:

- a. Nhân dân lao động
- b. Quần chúng nhân dân**
- c. Vĩ nhân, lãnh tụ
- d. Các nhà khoa học

Câu 3.21: Cơ sở hạ tầng của xã hội là?

- a. Đường xá, cầu tàu, bến cảng, bưu điện...
- b. Tổng hợp các quan hệ sản xuất hợp thành cơ cấu kinh tế của xã hội**
- c. Toàn bộ cơ sở vật chất - kỹ thuật của xã hội
- d. Đời sống vật chất

Câu 3.22: Kiến trúc thượng tầng của xã hội bao gồm?

- a. Toàn bộ các quan hệ xã hội
- b. Toàn bộ các tư tưởng xã hội và các tổ chức tương ứng
- c. Toàn bộ những quan điểm chính trị, pháp quyền,... và những thiết chế xã hội tương ứng như nhà nước, đảng phái chính trị, ... được hình thành trên cơ sở hạ tầng nhất định.**
- d. Toàn bộ ý thức xã hội

Câu 3.23: Xét đến cùng, nhân tố có ý nghĩa quyết định sự thắng lợi của một trật tự xã hội mới là?

- a. Năng suất lao động**
- b. Sức mạnh của luật pháp

- c. Hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị
- d. Sự điều hành và quản lý xã hội của Nhà nước

Câu 3.24: Trong 3 đặc trưng của giai cấp thì đặc trưng nào giữ vai trò chỉ phối các đặc trưng khác?

- a. Tập đoàn này có thể chiếm đoạt lao động của tập đoàn khác
- b. Khác nhau về quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất xã hội**
- c. Khác nhau về vai trò trong tổ chức lao động xã hội
- d. Khác nhau về địa vị trong hệ thống tổ chức xã hội

Câu 3.25: Nguyên nhân trực tiếp của sự ra đời giai cấp trong xã hội?

- a. Do sự phát triển lực lượng sản xuất làm xuất hiện “cửa dư” tương đối
- b. Do sự chênh lệch về khả năng giữa các tập đoàn người
- c. Do sự xuất hiện chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất**
- d. Do sự phân hoá giữa giàu và nghèo trong xã hội

Câu 3.26: Đấu tranh giai cấp, xét đến cùng là nhằm?

- a. Phát triển sản xuất**
- b. Giải quyết mâu thuẫn giai cấp
- c. Lật đổ sự áp bức của giai cấp thống trị bóc lột
- d. Giành lấy chính quyền Nhà nước

Câu 3.27: Mâu thuẫn đối kháng giữa các giai cấp là do?

- a. Sự khác nhau về tư tưởng, lối sống
- b. Sự đối lập về lợi ích cơ bản - lợi ích kinh tế**
- c. Sự khác nhau giữa giàu và nghèo
- d. Sự khác nhau về mức thu nhập

Câu 3.28: Vai trò của đấu tranh giai cấp trong lịch sử nhân loại?

- a. Là động lực cơ bản của sự phát triển xã hội
- b. Là một động lực quan trọng của sự phát triển xã hội trong các xã hội có giai cấp**
- c. Thay thế các hình thái kinh tế – xã hội từ thấp đến cao
- d. Lật đổ ách thống trị của giai cấp thống trị

Câu 3.29: Cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản là?

- a. Nhằm mục đích cuối cùng thiết lập quyền thống trị của giai cấp vô sản
- b. Cuộc đấu tranh giai cấp gay go, quyết liệt nhất**

c. Cuộc đấu tranh giai cấp cuối cùng trong lịch sử

d. Thực hiện chuyên chính vô sản

Câu 3.30: Điều kiện thuận lợi cơ bản nhất của cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản trong thời kỳ quá độ?

a. Giai cấp thống trị phân động bị lật đổ

b. Giai cấp vô sản đã giành được chính quyền

c. Sự ủng hộ giúp đỡ của giai cấp vô sản quốc tế

d. Có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản

Câu 3.31: Trong các nội dung chủ yếu sau của đấu tranh giai cấp ở nước ta hiện nay theo quan điểm Đại hội IX của Đảng ta, nội dung nào là chủ yếu nhất?

a. Làm thất bại âm mưu chống phá của các thế lực thù địch

b. Chống áp bức bất công, thực hiện công bằng xã hội

c. Thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước

d. Đấu tranh chống lại các tệ nạn xã hội, trong đó có tệ tham nhũng, lãng phí

Câu 3.32: Luận điểm sau của Mác: “Sự tồn tại của các giai cấp chỉ gắn liền với những giai đoạn phát triển lịch sử nhất định của sản xuất” được hiểu theo nghĩa?

a. Giai cấp chỉ là một phạm trù lịch sử

b. Sự tồn tại của giai cấp gắn liền với lịch sử của sản xuất

c. Sự tồn tại giai cấp chỉ gắn liền với các giai đoạn phát triển nhất định của sản xuất

d. Giai cấp chỉ là một hiện tượng lịch sử

Câu 3.33: Tính chất của dân tộc được quy định bởi?

a. Phương thức sản xuất thống trị trong dân tộc

b. Giai cấp lãnh đạo xã hội và dân tộc

c. Xu thế của thời đại

d. Đặc điểm ngôn ngữ, văn hoá

Câu 3.34: Trong các hình thức nhà nước dưới đây, hình thức nào thuộc về kiểu nhà nước phong kiến?

a. Quân chủ lập hiến, cộng hoà đại nghị

b. Quân chủ tập quyền, quân chủ phân quyền

c. Chính thể quân chủ, chính thể cộng hoà

d. Quân chủ chuyên chế

Câu 3.35: Sự ra đời và tồn tại của nhà nước?

a. Là nguyện vọng của giai cấp thống trị

b. Là nguyện vọng của mỗi quốc gia dân tộc

c. Là một tất yếu khách quan do nguyên nhân kinh tế

d. Là do sự phát triển của xã hội

Câu 3.36: Đáp án nào sau đây nêu đúng nhất về bản chất của Nhà nước?

a. Cơ quan phúc lợi chung của toàn xã hội

b. Công cụ thống trị áp bức của giai cấp thống trị đối với toàn xã hội, cơ quan trọng tải phân xử, hoà giải các xung đột xã hội.

c. Là cơ quan quyền lực của giai cấp

d. Là bộ máy quản lý xã hội

Câu 3.37: Đặc trưng chủ yếu của cách mạng xã hội là gì?

a. Sự thay đổi về hệ tư tưởng nói riêng và toàn bộ đời sống tinh thần xã hội nói chung

b. Sự thay đổi về toàn bộ đời sống tinh thần của xã hội nói chung

c. Sự thay đổi chính quyền nhà nước từ tay giai cấp thống trị phản động sang tay giai cấp cách mạng

d. Sự thay đổi đời sống vật chất và đời sống tinh thần của xã hội nói chung

Câu 3.38: Vai trò của cách mạng xã hội đối với tiến hóa xã hội?

a. Cách mạng xã hội mở đường cho quá trình tiến hoá xã hội lên giai đoạn cao hơn

b. Cách mạng xã hội làm gián đoạn quá trình tiến hoá xã hội

c. Cách mạng xã hội không có quan hệ với tiến hoá xã hội

d. Cách mạng xã hội phù định tiến hoá xã hội

Câu 3.39: Vai trò của cải cách xã hội đối với cách mạng xã hội?

a. Cải cách xã hội không có quan hệ với cách mạng xã hội

b. Cải cách xã hội thúc đẩy quá trình tiến hóa xã hội, từ đó tạo tiền đề cho cách mạng xã hội

c. Cải cách xã hội của lực lượng xã hội tiến bộ và trong hoàn cảnh nhất định trở thành bộ phận hợp thành của cách mạng xã hội

d. Cải cách xã hội không có ảnh hưởng gì tới cách mạng xã hội

Câu 3.40: Quan điểm của chủ nghĩa cải lương đối với cách mạng xã hội là?

a. Chủ trương cải cách riêng lẻ trong khuôn khổ chủ nghĩa tư bản

b. Chủ trương thay đổi chủ nghĩa tư bản bằng phương pháp hoà bình

c. Từ bỏ đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội d. Tiến hành hoạt động đấu tranh kinh tế

Câu 3.41: Cuộc cách mạng Tháng Tám 1945 ở nước ta do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo:

a. Là cuộc cách mạng tư sản

b. Là cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân

- c. Không phải là cuộc cách mạng
- d. Là cuộc cải cách xã hội

Câu 3.42: Yếu tố giữ vai trò quan trọng nhất của nhân tố chủ quan trong cách mạng vô sản là?

- a. Đảng của giai cấp công nhân có đường lối cách mạng đúng đắn**
- b. Tính tích cực chính trị của quần chúng
- b. Lực lượng tham gia cách mạng
- c. Khối đoàn kết công - nông - trí thức

Câu 3.43: Điều kiện không thể thiếu để cuộc cách mạng xã hội đạt tới thành công theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin là điều kiện nào?

- a. Bạo lực cách mạng**
- b. Sự giúp đỡ quốc tế
- c. Giai cấp thống trị phản động tự nó không duy trì được địa vị thống trị
- d. Sự khủng hoảng của chế độ xã hội cũ

Câu 3.44: Theo Ăngghen, vai trò quyết định của lao động đối với quá trình biến vượn thành người là?

- a. Lao động làm cho bàn tay con người hoàn thiện hơn
- b. Lao động làm cho não người phát triển hơn**
- c. Lao động là nguồn gốc hình thành ngôn ngữ
- d. Lao động tạo ra nguồn thức ăn nhiều hơn

Câu 3.45: Kết luận của Ăngghen về vai trò quyết định của lao động trong việc hình thành con người và là điều kiện cho sự tồn tại và phát triển của xã hội là nhờ?

- a. Áp dụng quan điểm của Đac-uyn trong tác phẩm “Nguồn gốc loài người” của ông
- b. Áp dụng quan điểm duy vật lịch sử vào nghiên cứu vấn đề nguồn gốc loài người**
- c. Áp dụng quan điểm của các nhà kinh tế chính trị học Anh “lao động là nguồn gốc của mọi của cải”
- d. Suy luận chủ quan của Ăngghen

---HẾT---